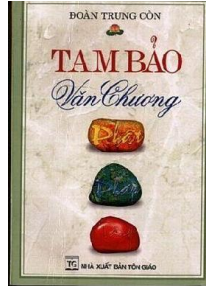


# Tam Bảo Văn Chương

Đoàn Trung Còn



---o0o---

*Nguồn*

<http://www.rongmotamhon.net>

*Chuyển sang ebook 05-11-2014*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục Lục

### I. CÁC THỂ CA (kệ, hát nói, lục bát, song thất lục bát) - BẢY BÀI KỆ CỦA BẢY ĐỨC PHẬT

1. Kệ đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipayin)
2. Kệ đức Phật Thi-khí (Ikhin)
3. Kệ đức Phật Tỳ-xá-phù (Visvabhù)
4. Kệ đức Phật Câu-lưu-tôn (Krakucchanda)
5. Kệ đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanaka- mouni)
6. Kệ đức Phật Ca-diếp (Kayapa)
7. Kệ đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Çakyamouni)

## II. CÁC THỂ THƠ : KỆ KHÓA HU

1. Kệ Bốn núi
2. Kệ Sắc thân
3. Kệ răn sát sanh
4. Kệ răn trộm cắp
5. Kệ răn ham sắc
6. Kệ răn nói bậy
7. Kệ răn uống rượu

## III. CÁC THỂ VĂN BIÊN NGÃU

Văn Tế Âm Hồn Ở Kontum

Khao Thân Ôn Dịch Phạm Thái

Phổ Khuyển Làm Chùa

Phổ Khuyển Kết Hạ

Quan Âm Tống Tử Văn

## IV. ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔI TAM BẢO ĐỐI VỚI DÂN TA

- A. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong lời ăn tiếng nói
- B. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong những câu ca dao
- C. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong những áng văn thơ

---o0o---

## Tựa

*Sách xưa có câu: Văn chương là phương tiện để ghi chép đạo lý, cũng có nghĩa là cỗ xe chở đạo. Lại có câu: Nói mà không có văn chương thì lưu hành chẳng được xa. Vậy bất cứ tôn giáo nào cũng đều cần dùng văn chương để gửi gắm, phát triển, và truyền bá đạo lý, làm cho đạo lý có thể lưu lại ngàn đời, truyền xa ra ngoài muôn dặm. Ví như có một thắng cảnh kia, chân ta chưa từng bước tới, mắt ta chưa được xem qua, có thể nhờ văn chương của các tao nhân mặc khách miêu tả mà cảnh trí thanh lịch rực rỡ đều như hiện ra trước mắt, chẳng khác gì ta đã từng đi đến tận nơi vậy.*

*Đức Phật thuyết Pháp, chư tăng gìn giữ pháp Phật để vĩnh viễn lưu truyền làm đạo lý tế độ quần sanh. Vì thế, Phật, Pháp và Tăng là ba món báu của chúng sanh, xuất hiện ở Thiên Trúc từ hơn 25 thế kỷ trước đây, mà lan rộng ra khắp mười phương, lưu lại lâu dài tới vạn kiếp, cũng nhờ có văn chương làm phương tiện ghi chép đạo lý, khiến cho chúng sanh ở khắp mười phương, ở sau vạn kiếp đều đặn hiểu rõ mà tin tưởng, tôn trọng đạo mầu.*

*Phật giáo truyền sang Việt Nam ta, không kể giai đoạn Bắc thuộc vốn chưa có chứng cứ khảo cứu chắc chắn, chỉ kể từ sau khi độc lập, trải qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê, cho tới triều Nguyễn, trên ngàn năm nay, ngày lẫn thịnh hành, từ thành thị cho đến hương thôn, đâu đâu đều có chùa chiền, danh lam thắng tích rất nhiều, thì thấy rằng chúng sanh phương Nam này rất đông người tin tưởng và tôn trọng đạo Phật.*

*Nhưng tin tưởng và tôn trọng mà không bày tỏ thành lời thì không đủ tỏ được lòng thành tín. Cho nên các tín đồ đạo Phật thường dùng các thể thi ca từ phú để ngâm vịnh, miêu tả, đặn gửi gắm lòng đạo, phát triển ý đạo, mà lưu truyền Ba món báu cho được dài lâu. Những áng văn chương ấy góp lại cũng nhiều, đều là việc dẫn giải đạo lý, để bày tỏ sự mến mộ đối với đạo mầu.*

*Những giá trị ấy, há nên để tán lạc mà mai một mất đi sao? Vậy bốn tông thơ sưu tập các bài thi ca từ phú của các tao nhân mặc khách xưa nay, lựa ra từng phần, lấy nhan đề chung là Tam Bảo văn chương, in làm một quyển sách, nhằm cống*

*hiển cho các bạn thiện tín thường ngày ngâm vịnh mà nuôi dưỡng tâm lòng mộ đạo.*

---o0o---

## **I. CÁC THỂ CA (kệ, hát nói, lục bát, song thất lục bát) - BẢY BÀI KỆ CỦA BẢY ĐỨC PHẬT**

### **1. Kệ đức Phật Tỳ-bà-thi (Vipayin)**

(Đức Thế Tôn thứ 998 về Quá khứ Trang nghiêm kiếp)

Thân tùng vô tướng trung thụ sanh,

Du như huyễn do chư hình tượng.

Huyễn nhân tâm thức bản lai vô,

Tội phúc giai không vô sở trụ.

#### **Diễn nôm**

Thân thọ sanh từ nơi không tướng,

Như giấc mơ do tượng hình ra.

Người mơ tâm thức đâu mà?

Trụ đâu tội phước đều là thành không.

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được tám muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Sát-ly, họ Câu-ly-nhã, cha là Bàn-đầu, mẹ là Bàn-đầu Bà-đề. Ngài ở thành Bàn-đầu Bà-đề, ngồi dưới cây Ba-ba-la, thuyết pháp ba hội, độ cho người ta được 348.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là Khiên-trà, phép thứ hai tên là Đề-xá. Thị giả là ngài Vô-ưu-tử Phương Ứng.

---o0o---

## **2. Kệ đức Phật Thi-khí (Ikhin)**

(Đức Thế Tôn thứ 999 về Trang nghiêm kiếp)

Khởi chư thiện pháp bốn thị huyễn;

Tạo chư ác nghiệp diệt thị huyễn.

Thân như tụ mật, tâm như phong,

Huyễn xuất vô căn vô thật tánh.

### **Diễn nôm**

Pháp lành khởi, vốn xưa là huyễn;

Nghiệp dữ gây, cũng huyễn mà ra.

Thân bọt đậu, tâm gió qua,

Không gốc, không thật, tánh là huyễn thôi!

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được bảy muôn tuổi đức Phật này ra đời, dòng Sát-ly, họ Câu-ly-nhã, cha là Minh Tướng; mẹ là Quang Diệu. Ngài ở thành Quang Tướng, ngồi dưới cây Phân-đà-ly, thuyết pháp ba hội, độ cho người ta được 250.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là A-tỳ-phù, phép thứ nhì tên là Bà-bà. Thị giả là ngài Nhẫn-hạnh-tử Vô Lượng.

---o0o---

## **3. Kệ đức Phật Tỳ-xá-phù (Visvabhù)**

(Đức Thế Tôn thứ 1.000 về Trang nghiêm kiếp)

Giả tá tứ đại dĩ vi thân,

Tâm bốn vô sanh, nhân cảnh hữu.

Tiền cảnh nhược vô, tâm diệt vô,

Tội, phước như huyễn, khởi diệt diệt.

### **Diễn nôm**

Bốn vật lớn mượn làm thân đó,  
Tâm không sanh, nhân cảnh mà sanh.

Cảnh không, tâm cũng không thành,

Đôi đàng tội phước như hình huyễn thôi!

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được bảy muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Sát-ly, họ Câu-ly-nhã, cha là Thiện Đăng, mẹ là Xương Giới. Ngài ở thành Vô Dụ, ngồi dưới cây Bà-la, thuyết pháp hai hội, độ cho người ta được 113.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là Phù-du, phép thứ nhì tên là Uất-đa-ma. Thị giả là ngài Tịch-diệt-tử Diệu Giác.

---o0o---

#### **4. Kệ đức Phật Câu-lưu-tôn (Krakucchanda)**

(Đức Thế Tôn thứ nhất về Hiện tại Hiền kiếp)

Kiến thân vô thật thị Phật thân.

Liễu tâm như huyễn thị Phật huyễn,

Liễu đác thân, tâm bỗng tánh không.

Tư nhân dữ Phật hà thù biệt?

#### **Diễn nôm**

Thân không thật, ấy là thân Phật;

Tâm bông lông, biết Phật bông lông.

Thân, tâm, tánh ấy vốn không,

Người ta với Phật cũng đồng như nhau.

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được bốn muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp. Cha tên là Lễ Đắc, mẹ là Thiện Chi. Ngài ở thành An Hòa, ngồi dưới cây Thi-ly-sa, thuyết pháp một hội, độ

cho người ta được 40.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là Tát-ni, phép thứ hai tên là Tỳ-lâu. Thị giả là ngài Thiện-giác-tử Thượng Thắng.

---o0o---

### **5. Kệ đức Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanaka- mouni)**

(Đức Thế Tôn thứ 2 về Hiền Kiếp)

Phật bất kiến thân, tri thị Phật,  
Nhược thật hữu tri, biệt vô Phật.  
Trí giả năng tri tội tánh không,  
Thản nhiên bất bố ư sanh tử.

#### **Diễn nôm**

Thân chẳng thấy, biết là thân Phật,  
Nếu biết rồi, thì Phật là không.  
Người khôn biết tội tánh không,  
Thản nhiên chẳng sợ trong vòng tử sanh.

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được ba muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp. Cha tên Đại Đức, mẹ là Thiện Thắng. Ngài ở thành Thanh Tịnh, ngồi dưới cây Ô-tàm Bà-la-môn, thuyết pháp một hội, độ cho người ta được 30.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là Thư-hàm-na, phép thứ nhì là Uất-đa-lâu. Thị giả là ngài An-hòa-tử Đạo Sư.

---o0o---

### **6. Kệ đức Phật Ca-diếp (Kayapa)**

(Đức Thế Tôn thứ 3 về Hiền kiếp)

Nhất thiết chúng sanh tánh thanh tịnh,

Tùng bản vô sanh, vô khả diệt.

Tức thử thân, tâm thị huyễn sanh,

Huyễn hóa chi trung vô tội, phước.

### **Diễn nôm**

Tánh chúng sanh tẩy thanh tịnh hết,

Do không sanh, không diệt mà ra.

Thân, tâm là huyễn thôi mà,

Huyễn thì tội, phước hóa là đều không.

Kinh Trường A-hàm chép rằng: Vào thuở mà người ta hưởng thọ được hai muôn tuổi, đức Phật này ra đời, dòng Bà-la-môn, họ Ca-diếp. Cha là Phạm Đức, mẹ là Tài Chủ. Ngài ở thành Ba-la-nại, ngồi dưới cây Ni-câu-luật, thuyết pháp một hội, độ được người ta 20.000 người. Ngài có hai phép thần túc đặc biệt: phép thứ nhất tên là Đề-xá, phép thứ nhì là Bà-la-bà. Thị giả ngài là Thiện-hữu-tử Lập Quân.

---o0o---

### **7. Kệ đức Phật Thích-ca Mâu-ni (Çakyamouni)**

(Đức Thế Tôn thứ 4 về Hiền Kiếp)

Pháp bản pháp vô pháp,

Vô pháp, pháp diệt pháp.

Kim phó vô pháp thời,

Pháp pháp hà tăng pháp.

### **Diễn nôm**

Pháp là pháp, vốn xưa không pháp,

Không pháp mà cũng pháp đó đây.



Ta trao không pháp buổi nay,

Pháp nào pháp nấy, nào hay pháp nào.

Ngài giảng sanh trong dòng nhà vua Sát-ly, phóng đại quang minh; dưới đất nảy lên hoa sen vàng. Ngài bước đi bảy bước, đưa một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, dùng tiếng như sư tử rống mà nói rằng: “Trên trời, dưới đất, chỉ có một mình ta là tôn quý.” Hôm ấy là ngày mùng 8 tháng 4 năm 624 trước Công nguyên. Ngài xuất gia tu hành thành Phật, chuyển Pháp luân Tứ diệu đế, thuyết pháp hành đạo 49 năm. Thị giả của ngài là ngài A-nan.

Sau ngài dạy đệ tử là Ca-diếp rằng:

“Nay ta đem Chánh pháp nhãn tạng, diệu tâm Niết-bàn giao phó cho nhà ngươi.”

Nói rồi ngài thuyết bài kệ trên.

Ngài thuyết kệ xong rồi, ngồi ngay thẳng, lặng lẽ nhập Niết-bàn dưới gốc cây Sa-la. Các đệ tử liền lấy củi thơm thiêu hóa. Năm ấy ngài 80 tuổi.

---o0o---

## HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

### **Chu Mạnh Trinh**

Bầu trời cảnh Phật,

Thú Hương sơn ao ước bấy lâu nay.

Kìa non non, nước nước, mây mây,

Đệ nhất động là đây có phải?

Thỏ thẻ rừng Mai chim cúng trái;

Lừng lơ khe Yên cá nghe kinh.

Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,

Khách tang hải giật mình trong giấc mộng.

Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng,

Này hang Phật Tích, này động Tuyết Quynh.  
Nhác trông lên ai khéo vẽ hình,  
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt.  
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt;  
Gập ghềnh đôi lối uốn thang mây.  
Chùng giang sơn còn đợi ai đây?  
Hay tạo hóa sẽ ra tay xếp đặt?  
Lần tràng hạt niệm: Nam-mô Phật,  
Cửa từ bi công đức xiết là bao!  
Càng trông phong cảnh càng yêu.

---o0o---

## **VIẾNG CHÙA HƯƠNG TÍCH**

**Chu Mạnh Trinh**

Hương sơn là thú thanh cao,  
Những là nay ước mai ao mấy lần.  
Thanh bình gặp hội du xuân,  
Én anh nô nức xa gần đua nhau.  
Thuận dòng ngàn liễu dặm dâu,  
Một thuyền đàn sách, lưng bầu gió trắng.  
Buồm lan nhẹ cánh lằng lằng,  
Hay đâu mượn gió gác Đàng đưa duyên.  
Giang sơn thì vẫn người quen,  
Dạo chơi Châu Phố, xuôi miền Đục Khê

Chiêng vàng gác bóng non tê,  
Dừng chèo, ướm hỏi lối về chùa trong.  
Lần khe Yên Vĩ đi vòng,  
Bón bèo bát ngát xa trông lạ đường.  
Giữa dòng đáy nước lồng gương,  
Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào Nguyên.  
Lạ cho vừa bén màu thiên,  
Mà trăm nảo với ngàn phiến sạch không!  
Bầu trời man mác xa trông,  
Biết đâu nước Nhược non Bồng là đâu.  
Cỏ cây xanh ngắt một màu,  
Yết thần Vạn Tuế, lên lầu Ngũ Doanh.  
Nhác trông sơn thủy hữu tình,  
Bút thần khôn vẽ bức tranh nào bằng.  
Chung quanh những núi cùng rừng,  
Đông Ông một dãy, ngang lưng non Bà.  
Núi Xôi, núi Oản, núi Gà,  
Núi con Voi phục, bày ra bên cầu.  
Nào ông Sào Phủ đi đâu?  
Hang sâu còn vết dấp trâu rồ ràng.  
Tiếng đâu vắng vắng chuông vàng,  
Khói đâu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù.  
Thuyền lan mấy mái chèo đua,

Một giây thẳng tới bên chùa bước lên.  
Lầu chuông, gác trống đôi bên,  
Cửa rộng năm sắc, đài sen chín tầng.  
Muôn hồng ngàn tia tung bùng,  
Suối khe réo nhạc, thông rừng dạo sênh.  
Chim cúng trái, cá nghe kinh,  
Then hoa gài nguyệt, chày kinh nện sương.  
Nam mô Phật Tổ vô lượng,  
Trai thành dâng một nén hương trụ trì.  
Nước công đức, cửa từ bi,  
Dịp cầu khổ hải, cánh bè mê tân.  
Người lễ Phật, kẻ cầu thần,  
Người con công, kẻ mọc ân vô vàn.  
Phòng Tăng tựa chốn thanh nhàn,  
Vui vầy đạo Phật, mê man màu thiên.  
Lò trầm chưa dứt hương nguyên,  
Túi thơ đùng đỉnh đạo miền Giải Oan.  
Hỏi đây rằng Đệ nhị quan,  
Rành rành vết ngọc còn in dấu giày.  
Luân hồi nào dễ ai hay,  
Oan gia thiệt lấy nước này giải cho.  
Lần theo dấu thỏ quanh co,  
Qua rừng mơ tới đến chùa Chân Song

Bầu trời bát ngát xa trông,  
Võng trời rủ xuống mấy vòng thướt tha.  
Chắp tay niệm Phật Di-đà,  
Kẻ ngò, người đứng, kẻ ra, người vào.  
Non trời biết mấy tầng cao,  
Đã đi phải đến, đã trèo phải lên.  
Một tòa phong cảnh thiên nhiên,  
Gió đâu văng vẳng nhạc tiên xa gần.  
Cheo leo đỉnh núi non thần,  
Cúi đầu trời thấp, cất chân mây đùa.  
Hoa đua thắm, liễu khoe non,  
Chim cúng trái, vượn ru con dập dìu.  
Màu thanh vẽ lịch trăm chiều,  
Hỡi ai mở khóa động đào cho nhau?  
Một làn thăm thẳm hang sâu,  
Rẽ đường nhác thấy đôi cầu hai bên.  
Kìa lẫm thóc, nọ kho tiền,  
Kìa Bảo tòa nọ Kim liên rõ ràng.  
Phát phơ dải phước vắt ngang,  
Nước đâu nhỏ giọt quỳnh tương trên đầu.  
Khen ai khéo dệt kim châu,  
Áo cà-sa đủ năm màu linh lung.  
Khen ai khéo lựa tơ đồng,

Cống, xang, hồ, đủ tám cung nhịp nhàng.  
Thiên đường một lối sáng choang,  
Đường đi âm phủ một hang tối mò.  
Biết ai rằng cậu hay cô,  
Lần đôi đường có nhấp nhô đầu người,  
Bút hoa ai khéo vẽ vờ,  
Rêu in vách đá một vài câu thơ.  
Khói trầm ngào ngạt xa đưa,  
Giục người giấc mộng: trống trưa, chuông chiều.  
Ngọn đèn lồng bóng trắng treo,  
Tiếng kinh chen tiếng tiêu thiêu hôm mai.  
Phật Bà cao ngự Liên đài,  
Đôi bên Ngọc Nữ, Thiện Tài phán ban.  
Thần thông hóa phép chan chan,  
Hóa ngàn tay mắt, hóa ngàn chân thân,  
Đô Thiên quan, Đô phu nhân,  
Diệu Thanh cùng với Diệu Âm đôi nàng.  
Thanh sư bạch tượng bày hàng,  
Thâm nghiêm một điện linh quan ngất trời.  
Kiếp tu hành biết mấy mươi,  
Dấu thiêng đã mấy muôn đời còn đây.  
Sắc không ngồi nghĩ cho hay,  
Từ bi cũng tấm lòng này mà ra.

Cúi đầu làm lễ bước ra,  
Hò đi lại đứng, dần dà mấy phen.  
Khách trần lạc lối cõi Tiên,  
Họa sau này có nhân duyên chăng là?  
Trải bao dặm liễu đường hoa,  
Nhật trình chấp nhật khúc ca tay đề.

---o0o---

## VĂN CÚNG CÔ HỒN

Nguyễn Du

Tiết tháng bảy mưa dầm sùi sụt,  
Toát hơi mây lạnh lẽo xương khô.  
Nào người thay buổi chiều thu,  
Ngàn lau nhuộm bạc, lá ngô rụng vàng!  
Đường bạch dương bóng chiều man mác,  
Dịp đường lê lác đác sương sa.  
Lòng nào lòng chẳng thiết tha,  
Cõi dương còn có, nữa là cõi âm.  
Trong trường dạ tối tăm trời đất,  
Có khôn thiêng phảng phất u minh.  
Thương thay, thập loại chúng sanh,  
Hồn đơn, phách chiếc lênh đênh quê người  
Hương lửa đã không nơi nương tựa,

Hồn mồ côi lần lửa mấy niên.  
Còn chi ai khá ai hèn,  
Còn chi mà nói kẻ hiền, người ngu!  
Tiết đầu thu lập đàn giải thoát,  
Nước tịnh bình vẩy hạt dương chi.  
Muôn nhờ đức Phật từ bi,  
Giải oan, cứu khổ, cùng về Tây phương.  
Cũng có kẻ tính đường kiêu hãnh,  
Chí những lăm cất gánh non sông;  
Nói chi đương buổi tranh hùng,  
Trưởng khi thất thế vận cùng mà đau!  
Bỗng phút đâu mưa sa ngói lở,  
Khôn đem mình làm đũa thất phu.  
Giàu sang càng nặng oán thù,  
Máu tươi lai láng, xương khô rụng rời  
Đoàn vô tự lạc loài nheo nhóc,  
Quý không đầu đón khóc đêm mưa.  
Cho hay thành, bại là cơ.  
Mà cô hồn biết bao giờ cho tan!  
Cũng có kẻ màn lan, trướng huệ,  
Những cậy mình cung quế, phòng hoa.  
Một phen thay đổi san hà,  
Mảnh thân chiếc lá, biết là về đâu?



Trên lầu cao, dưới dòng nước chảy,  
Phận đã đành trâm gãy, bình rơi.  
Khi sao đông đúc vui cười,  
Mà khi nhắm mắt không người nhật xương?  
Đau đớn nhẽ không hương, không khói,  
Luống ngẩn ngơ trong cõi rùng sim.  
Thương thay tay yếu chân mềm,  
Càng năm càng héo, một đêm một dài!  
Kìa những kẻ mũ cao áo rộng,  
Ngọn bút son, sóng, thác ở tay.  
Kính luân gom một túi đầy,  
Đã đem Quán, Nhạc, lại ngày Y, Chu,  
Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm,  
Trăm loài ma, mờ năm chung quanh.  
Ngàn vàng khôn đổi được mình,  
Lầu cao viện hát tan tành còn đâu!  
Kẻ thân thích vắng sau vắng trước,  
Biết lấy ai bát nước chén nhang!  
Cô hồn thất thểu dọc ngang,  
Nặng oan khôn lẽ tìm đàng hóa sanh!  
Kìa những kẻ bày binh, bố trận,  
Đòi mình vào lấy ân nguyên hung.  
Gió mưa sấm sét ùng ùng,

Dãi thây trăm họ làm công một người.  
Khi thất thế, tên roi đạn lạc,  
Bãi trường sa thịt nát máu trôi.  
Mênh mông góc bể, bên trời,  
Năm xương vô chủ biết nơi chốn nào!  
Trời xâm xâm mưa gào, gió thét,  
Khí âm huyền mờ mịt trước sau.  
Ngàn mây nội cỏ rầu rầu,  
Nào đâu điếu, tế, nào đâu chung, thường?  
Cũng có kẻ tính đường trí phú,  
Mình làm, mình nhịn ngủ, kém ăn.  
Ruột rà không kẻ chí thân,  
Dẫu làm nên để dành phần cho ai?  
Khi nằm xuống không ai nhấn nhủ,  
Của phù vân có cũng như không!  
Sống thời tiền chảy bạc dòng,  
Thác không đem được một đồng nào đi.  
Khóc ma muốn thương gì hàng xóm?  
Hòm gỗ da bó đóm đưa đêm!  
Ngẩn ngơ trong quăng đồng chiêm.  
Tàn hương, giọt nước biết tìm vào đâu.  
Cũng có kẻ rắp cầu chữ quý,  
Dẫn mình vào thành thị lân la.

Máy thu lìa cửa, lìa nhà,  
Văn chương đã chắc đâu mà trí thân.  
Dọc hàng quán phải tuôn mưa nắng,  
Vợ con nào nuôi nắng kiêng khem.  
Vội vàng liệm sấp, chôn nghiêng,  
Anh em: thiên hạ; lảng giềng: người dung.  
Bóng phân tử xa chùng hương khúc,  
Bãi tha ma kẻ dọc người ngang.  
Cô hồn nhờ gửi tha hương,  
Gió trắng hiu hắt, lửa hương lạnh lũng!  
Cũng có kẻ vào sông ra bể,  
Cánh buồm mây chạy xé gió đông.  
Gặp cơn giông tố giữa dòng,  
Dem thân chôn rập vào lòng kinh, nghề.  
Cũng có kẻ đi về buôn bán,  
Đòn gánh tre chín rạn hai vai.  
Gặp cơn mưa nắng khí trời,  
Hồn đường, phách xá lạc loài nơi nao?  
Cũng có kẻ mắc vào khóa lính,  
Bỏ cửa nhà, gồng gánh việc quan.  
Nước khe, cơm vắt gian nan,  
Dãi dầu ngàn dặm, lằm than một đời!  
Buổi chiến trận mạng người như rác,

Phận đã đành đạn lạc tên rơi.  
Lập lòe ngọn lửa ma trôi,  
Tiếng oan vắng vắng tới trời càng thương.  
Cũng có kẻ lữ làng một kiếp,  
Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa.  
Ngân ngơ khi trở về già,  
Ai chồng con tá, biết là cậy ai?  
Sống đã chịu một đời phiền não,  
Thác lại nhờ hóp cháo lá đa.  
Đau đón thay phận đàn bà,  
Kiếp sanh ra thế biết là tại đâu!  
Cũng có kẻ nằm cầu, gói đất,  
Đổi tháng ngày hành khát ngược xuôi.  
Thương thay cũng một kiếp người,  
Sống nhờ hàng xứ, chết vùi đường quan!  
Cũng có kẻ mắc đoàn tù giặc,  
Gởi mình vào chiếu rách một manh.  
Năm xương chôn rập góc thành,  
Kiếp nào cõi được oan tình ấy đi?  
Kìa những đứa tiểu nhi tám bé,  
Lỗi giờ sanh, lia mẹ, lia cha.  
Lấy ai bông bé xót xa,  
U ơ tiếng khóc thiết tha nổi lòng.

Cũng có kẻ chìm sông, lạc suối;  
Cũng có người sảy cội, sa cây;  
Có người leo giếng đứt dây,  
Người trôi nước lũ, kẻ lây lửa thành.  
Người thì mắc sơn tinh, quý quái,  
Người thì xông nanh hổ, ngà voi.  
Có người hay đẻ không nuôi,  
Có người sa sảy, có người khôn thương.  
Gặp phải lúc đi đường lỡ bước,  
Cầu Nại Hà kẻ trước người sau.  
Mỗi người một nghiệp khác nhau,  
Hòn xiêu, phách lạc biết đâu bây giờ!  
Hoặc là ả ngang bờ, dọc bụi,  
Hoặc là nương ngọn suối, chân mây.  
Hoặc là điếm cỏ, bóng cây,  
Hoặc là quán nọ, cầu này bơ vơ.  
Hoặc là nương thần từ Phật tự,  
Hoặc là nhờ đầu chợ, cuối sông.  
Hoặc là trong quăng đồng không,  
Hoặc là gò đống, hoặc vùng lau tre.  
Sống đã chịu một bề thảm thiết,  
Ruột héo khô, da rét căm căm;  
Dãi dầu trong mấy muôn năm,

Thở than dưới đất, ăn nằm trên sương.  
Nghe gà gáy, tìm đường lánh ần,  
Lặn mặt trời, lặn thân tìm ra.  
Lôi thôi, bồng trẻ, dất già,  
Có khôn thiêng hãy lại mà nghe Kinh.  
Nhờ phép Phật siêu sinh Tịnh độ,  
Phóng hào quang cứu khổ độ u.  
Ráp hòa tứ hải quần chu,  
Não phiền trút sạch, oan thù rửa không.  
Nhờ đức Phật thần thông quảng đại,  
Chuyển Pháp luân tam giới thập phương.  
Nhơn nhơn Tiêu Diện Đại vương,  
Linh kỳ một lá dẫn đường chúng sanh.  
Nhờ phép Phật uy linh đồng mãnh,  
Trong giấc mê khua tỉnh chiêm bao.  
Mười loài bất kể loài nào.  
Gái, trai, già, trẻ đều vào nghe kinh.  
Kiếp phù sanh như hình, như ảnh,  
Có chữ rằng: Vạn cảnh giai không.  
Ai ơi lấy Phật làm lòng,  
Tự nhiên siêu thoát khỏi trong luân hồi.  
Đàn chân tế vâng lời Phật giáo,  
Của có chi, bát cháo, nén nhang,

Gọi là manh áo, thoi vàng,  
Giúp cho làm của ăn đường thẳng thiên.  
Ai đến đó, dưới trên ngôi lại,  
Của làm duyên, chớ ngại bao nhiêu.  
Phép thiêng biến ít thành nhiều,  
Trên nhờ Tôn giả chia đều chúng sanh.  
Phật hữu tình từ bi phổ độ,  
Chớ ngại rằng có có chằng chằng.  
Nam mô Đà Phật, Pháp, Tăng,  
Độ cho nhất thiết siêu thẳng linh hồn.  
Nam mô Bồ Tát, Thế Tôn,  
Tiếp dẫn cô hồn Tịnh độ siêu sanh.  
Kệ rằng:  
Hàn lâm sở lý dạ trầm trầm,  
Ái ngại cô hồn khổ não thâm!  
Tịch diệt phong trần vô lượng cúng;  
Hy hãm hương thọ hữu thường lâm.  
Kim tiêu hạnh ngộ Bồ-đề quả;  
Chúng đẳng đương thi hoan hỷ tâm.  
Chỉ chí Thiên đàng phi huyễn lộ,  
Quân môn giải thoát xuất hàn lâm.  
Nam mô Sanh Tịnh độ Bồ Tát Ma-ha-tát!

---o0o---

## ÔNG NHÃN, ÔNG KHÔNG NHÃN

Tú Xương

Bài này tuy là dịch từ chữ Hán dịch ra, song xem cho kỹ độc giả sẽ thấy có cái phong vị của những truyện truyền kỳ Thiên Trúc. Như vậy rất có thể trước đây gốc là chữ Phạn, do các nhà truyền giáo đưa sang Trung Quốc, rồi sau mới được dịch sang chữ Hán.

Đức nhãn là một đức lớn trong đạo Phật, có thể giúp người đạt đến chỗ giải thoát.

Trời thu hiu hắt gió vàng,

Rặng lau hoa nở, đôi hàng lá thưa.

Thơ đường nhân lúc hứng thừa,

Vui lòng mượn bút lọc lừa ngâm nga...

Thấy trong lục cữ truyền ra,

Thiệt, hư chưa tỏ, gần xa chưa tường.

Tiếc là tựa lối theo đường,

Cứ trong tích trước rõ ràng chép chơi:

Tích xưa nghe có một người,

Gia tư điền sản phỏng vờ thích trung.

Một ông đức hạnh lạ lùng,

Chẳng hay làm sự ngoài vòng phi vi.

Tánh hằng nhãn nhục từ bi,

Thiệt hơn chẳng chút tranh thi cùng người.

Dù ai cả tiếng dữ lời,

Làm tỉnh, gãi tóc, đập tai ra về.



Một ông thì lại hay nề,  
Nét thì cả giận, nào hề nhịn ai.  
Cùng lòng chánh trực trời trai,  
Đã lòng hỷ xả, hiệp tài nở nang.  
Cùng nhau kết bạn đá vàng,  
Cùng đi làm phúc Thập phương Ta-bà,  
Chẳng nề chùa quán gần xa,  
Thấy đâu dột nát cửa nhà, hưng công.  
Hai người đi đến ba đông,  
Bãi đâu xảy thấy non thung lạ đường.  
Đỉnh cao nghi ngút nghìn hàng,  
Dợn xanh ấy đá, chói vàng nọ hoa.  
Huệ lan đôi khóm rườm rà,  
Hóa long trúc đã thiết da diêm môi.  
Suối đàn cuộn nước cùng vui,  
Chim rừng làm tổ tranh môi líu lo.  
Rồng nam phun nước thập thò,  
Thông thì thổi gió ỳ ù cheo leo.  
Một chùa bỗng thấy bên đèo,  
Bốn bề đá chồm rồng leo ngất tường.  
Trong chùa chói lói chữ vàng,  
San hô, hồ phách cột giường khám quanh.  
Bốn bề cảnh vật khoe thanh,

Muôn gian ngàn óc thên thên rộng dài.  
Nhìn xem chẳng khác Bông Lai,  
Đã nên một cảnh trần ai tếch chùng.  
Hai người đến đáy lòng mừng,  
Vào chùa lễ Phật, đều chung tu hành,  
Tháng ngày nấu tiếng ản danh,  
Gió xuân đỡ quạt, trăng thanh thay đèn.  
Khát thì uống nước cam tuyền,  
Đói thì lại nếm đào tiên qua thì.  
Niệm kinh, lắng kệ đòi khi,  
Vui niệm Phật pháp sớm khuya chẳng nài.  
Biết rằng xuân tới hoa khai;  
Thu sang lá rụng, chẳng sai tơ hào.  
Tháng ngày luống những ước ao,  
Vui bề đạo đức, biết nào Kỷ, Canh  
Hai ông tu đầy đã đành,  
Cùng khuyên nhau ở lòng lành mới nên.  
Ở lâu cảm thú liền quen,  
Con vào hái quả, con lên dâng trà.  
Chúng cảm đã ở chiền già,  
Lòng ông Năng Nhẫn hiền hòa yêu đang.  
Cho ăn, cho uống, giữ gìn,  
Rác thì quét tước, sửa sang một mình.

Ra vào mặc chúng tung hoành,  
Chẳng hề nặng đến chúng sanh một lời.  
Dù lòng chúng vật chơi bời,  
Đã trong Thượng điện lại ngoài Tam quan.  
Một ông thấy chúng lãng loàn,  
Khôn chừa nét cũ, tức gan thay là.  
Ngày ngày đánh đánh khoa ra,  
Mắng rằng rác ráy chiền già vì bay.  
Cũng nhiều phải cái quá tay,  
Lòng ông Năng Nhân thương thay muôn phần!  
Khuyên ông Bất Nhân đòi danh:  
Kẻ đà làm phúc xả thân tu hành,  
Còn làm những sự chẳng lành,  
Hư công vả lại uổng danh thay là.  
Chẳng bằng nhân nhục hiện hòa,  
Từ bi hỷ xả, vốn ta ghi lòng.  
Để cho dày thừa âm công  
Thân sau lại sửa hóa rồng chút chãng.  
Ấy là lời thiết trình rằng,  
Xin đừng làm sự lãng nhãng nữa là.  
Cùng nhau đều trở lại nhà,  
Sớm kinh, tối kệ xướng hòa chẳng khuây.  
Bạn cùng non nước, cỏ cây,

Hay đâu trời đất vẫn xây mây đời.  
Đạo cao, đức rộng tốt vời,  
Đã mười lần hóa lại mười lần sinh.  
Đều cùng được phép tiến linh,  
Lớt phàm lệt khỏi nhẹ mình lưng lưng.  
Ăn chẳng không, ý cũng đừng,  
Chẳng hề đói khát, rưng rưng tháng ngày.  
Ông kia nét cũ chưa khuây,  
Thấy loài cầm thú còn hay giận cùng.  
Một hôm Chư Phật hội đồng,  
Phán rằng hai ấy tu công đã chầy.  
Đạo nhân đức trọng cao dày,  
Song còn người nọ chưa hay nhẫn lòng.  
Âu là người ấy hãy không,  
Hắn cho Năng Nhẫn lên thông tòa vàng.  
Bàn xong, biện bạch tỏ tường,  
Long xa, phụng liễn nghênh ngang tống hoàn.  
Lũ thì bảo cái tràng phan,  
Ngát trời rợp bóng dù tàn bề sen.  
Kiệu vào đến trước cửa chiền,  
Rước ông Năng Nhẫn vào đèn lưu ly.  
Phong làm Bồ Tát ngự vì,  
Ông kia thấy vậy lòng thì buồn thay!

Song le tu Đạo đã chầy,  
Đặng vân giá võ cũng hay phép thần.  
Tức thì nương gió dời chân,  
Xăm xăm thẳng bước tới sân Phật đài.  
Bước vào quỳ dưới ngọc giai,  
Khấu đầu bèn kể mọi lời khúc nôi.  
Rằng tôi từ thuở ra đời,  
Cùng ông Năng Nhẫn hai người kết thân.  
Đi làm phúc khắp xa gần,  
Ba đông bèn mới mai chân cửa Chiền.  
Hằng từ đạo đức tăng thiền,  
Vui bề Phật pháp những quên cửa nhà.  
Lẽ thì ơn Phật lòng xa,  
Anh em cùng được một tòa vinh phong.  
Cớ sao kẻ được, người không?  
Dám xin xem xét cho cùng kẻ oan.  
Phật rằng: Sự đã luận bàn  
Hai người tu đạo đã ngoan, đã chầy.  
Song người nhân nhục chưa hay,  
Cho nên chưa được sánh bầy tòa sen.  
Bạch rằng: Tội ấy đã nên,  
Bây giờ Phật phán ở đền làm sao?  
Hay là tu lại thế nào.

Mà cho được dự bước vào lưu ly?  
Phán rằng: Nào có khó gì,  
Non kia tụ điều gần thì chẳng xa.  
Gìn lòng nhẫn nhục thì là,  
Chẳng là nhẫn nhục, thì ta trở về.  
Lên non đứng đây một bề,  
Ba năm ba tháng chớ hề giận ai,  
Thì cho vào chốn Phật đài.  
Vâng lời Phật phán bèn dời chân ra.  
Cách non phỏng hãy còn xa,  
Tiếng chim eo óc nghe ã òi tai.  
Xăm xăm bước đến nửa vời,  
Trèo lên đỉnh núi đứng nơi thạch bàn.  
Dãi dầu nắng sém mưa chan,  
Ước mong thấu đến Tam quan Phật đài.  
Tân toan khổ ải chẳng nài,  
Cứ lời Phật phán dám sai chút nào.  
Chim đều đậu khắp vai, đầu,  
Tổ làm rừng rục trước sau trọn ngày.  
Chim con theo mẹ tập bay,  
Vẫy vùng nhảy nhót thân ngày gọi nhau.  
Dậy đường chuyên động trên đầu,  
Cứ lời Phật phán dễ hầu dám xao.

Đêm ngày luống những ước ao,  
Đốt tay tính sắp lý đào khai hoa.  
Đến tuần trăng mãn, trăng tà,  
Đành hay tháng trọn, biết là niên chung.  
Ra ngoài hai tháng ba đông,  
Mười lăm ngày nữa thì công hoàn thành.  
Ở lạnh gặp sự chẳng lành,  
Đôi chim chinh chích trên cành bảo nhau.  
Ta đừng tha rác chi lâu,  
Kìa kìa đã sẵn trên đầu người kia.  
Cùng nhau ríu rít bay về,  
Liền làm tổ bé ở kê bên tai.  
Nhỏ nhen chẳng dám gần ai,  
Vợ chồng để ấp hôm mai một mình.  
Bốn con tốt tốt sơ sinh,  
Chồng liền dạy vợ tâm tình khúc nôi:  
Giữ con chẳng khá khi nguôi,  
Để anh sẽ liệu kiếm mồi cho ăn.  
Bay xuôi, bay ngược xa gần,  
Chẳng hề có được nghỉ chân ở nhà.  
Hết gần lại dạo miền xa,  
Kiếm cho con trẻ, đàn bà đủ no.  
Một mình hầu mượn ai lo,

Tối về thì lại dận dò, hỏi han.  
Sớm thì chấp cánh băng ngàn,  
Thương con, xót vợ, tâm toan chẳng nài!  
Đến tuần con đã ra ngoài,  
Nể chồng, chim cái ngỏ lời vân vi.  
Rằng: Anh tối lại, sớm đi,  
Nhọc nhằn mưa nắng, thiếp thì ở không.  
Rày con cũng đã đủ lông,  
Nghỉ chân, thiếp sẽ cất công đỡ chàng.  
Chim đực rằng: Chớ nói quàng,  
Em còn non nớt, nắng sương phong hàn.  
Nào anh có quản làm than,  
Vợ lành, con lớn thì an dạ này.  
Phỏng đà qua được ba ngày,  
Tối về, chim cái lại nài xin đi.  
Thấy lòng vợ đã nằn nì,  
Nhủ rằng: Mặc ý, anh thì giữ con.  
Nói rồi, chim cái liền bon,  
Lạ lùng phong thổ, nước non biết gì.  
Tìm môi bay lại, bay đi,  
Vả vợ chẳng biết rằng thì ở đâu.  
Bay quanh đã một ngày thâu,  
Chẳng hề có một cái sâu, cái ruồi.



Non đoài hầu lặn mặt trời,  
Chồng mong, con đói, đồ thôi lại mòng.  
Dường như lửa chất bên lòng,  
Thương con vả lại sợ chồng giận chằng.  
Khi trời tối đến liên băng,  
Thấy hoa sen nở, nhện giăng tổ ngoài.  
Lòng mừng bay thẳng đến nơi,  
Nhện kinh thoát đã chạy dời vào trong.  
Đuổi theo vào giữa liên phòng,  
Mãi ham bắt nhện mơ mòng biết chi.  
Hay đâu sen cũng như quý,  
Âm thì hợp lại, dương thì nở ra.  
Yếu thơ, con trẻ đàn bà,  
Phải chờ bạch đán khai hoa mới về.  
Đến nhà con khóc như ri,  
Chồng thì chẳng có ừ ê một điều.  
Tắc lòng lo sợ trăm chiều,  
Đồ con thôi mới đánh liều tới nơi.  
Chồng rằng: Đã thỏa sự đời,  
Lênh đênh thuyền bách sóng khơi mặc dù.  
Hẹn hò đã phi sở cầu,  
Một mình ai dễ biết đâu là chùng!  
Chạnh lòng chim cái ngập ngừng,

Than thân, rằng: Khế lộn gừng chua cay!

Bây giờ sự đã đường này,

Lạy chồng thôi lại bày ngay mọi lời:

Thấy chàng chen chúc ngược xuôi.

Xót chàng thiếp phải bước dời chân ra.

Song le thơ yếu đàn bà,

Vả thêm non nước gần xa lạ lùng.

Trợn ngày mỗi hã còn không,

Tối về thấy nhện liên phòng giăng tơ.

Mãi tham bắt nhện nào ngờ,

Khí âm hòa hợp thì vừa khôn ra.

Trước sau sự đã thật thà,

Há rằng thiếp dám sai ngoa điều nào.

Chim đực rằng: Sự lạ sao?

Hoa đầu lại có hợp vào nở ra.

Thôi thôi hã trở về nhà,

Sự đà có đấy ắt là khỏi dôi.

Hôm nay đã được nhiều môi,

Con thì no dạ đều ngồi, khỏi lo.

Thấy chồng mai mĩa nhỏ to,

Dẫu ngay ai kẻ hỏi cho được tường.

Tác lòng thăm thiết tư lương,

Mặt hoa thêm đượm hai hàng mưa sa.

Nói thôi bèn trở về nhà,  
Đỗ cành, chim đục thiết tha một mình.  
Giận sao vợ ở bạc tình,  
Bèn đem hát thử hoa tình câu chơi.  
Hát rằng: Gần bển, xa ròi,  
Một chẵn đắp được mấy người tri âm?  
Trong nhà đã sẵn hoàng cầm,  
Song le lại muốn nhân sâm nước người.  
Đành hay kho Tào chẳng voi,  
Pha phôi ai dễ biết nơi cỡi bờ.  
Thương vì chút phận con thơ,  
Cho nên trái chiếu đắp dơ trăm chiều.  
Ưu là chơi đã đến điều,  
Bạn sen đà phỉ hết điều nói năng.  
Nghe thôi chim cái nghĩ rằng:  
Đã nên một sự vô bằng mắt đôi.  
Sự oan biết thủa nào nguôi,  
Âu là phải trả khúc nôi mấy lời.  
Hát rằng: Vào sóng ra khơi,  
Một mình ai kẻ biết vời sâu nông.  
Tử sanh ngõ vện chữ đồng,  
Nào hay nhìn đến mênh mông trăm chiều.  
Thôi thôi sương tuyết đã nhiều,

Càng cao tuổi tác, càng nhiều mả mai.  
Bây giờ tía lạc hồng phai,  
Cho nhau những tiếng đờn sai vào mình.  
Lọ là phải nói tận tình,  
Nghe lời thì biết, xem hình thì hay.  
Hát thôi chim đực giận thay,  
Nhủ rằng: Trong ấy, gian ngay đã liêu.  
Đất kia mà ném ao bèò,  
Dao kia rạch nước hết điều đôi co.  
Ngõ là phải lưới, mắc dò,  
Ai ngờ hoa hợp, kẻ cho làm kỳ.  
Thôi đừng hát khảy làm chi,  
Vào nhà nghỉ khỏe mai đi kiếm mồi.  
Thấy chồng ngờ vực chưa thôi,  
Tức gan, chim cái khôn ngòi, chạy ra.  
Đến gần lạy đã trình qua:  
Vợ chồng là nghĩa ruột rà ngàn năm.  
Đã nguyên kinh bố, thạch châm,  
Dám đâu bả lả âm thầm riêng ai.  
Niềm gian phó quý thần hay,  
Nâng mâm, cầm chổi xưa nay một bề.  
Đắng cay, chua chát chẳng nê,  
Ước cầu cho vẹn, lời thề cho xong.

Thiếp dù ở chẳng hết lòng.  
Lại nguyên như đá đợi chồng đứng đây.  
Thầy nghe nó nói giận thay,  
Mắng rằng: Chim chóc chúng bay nói càn.  
Vốn tao nét dữ đã quen,  
Cứ lời Phật phán về ngàn từ bi.  
Dù bay xảy có việc gì,  
Cớ sao mà lại nói chì đến tao.  
Tao mong lên cõi đài cao,  
Cho nên tao mới ra vào đứng đây.  
Tổ làm, con để mặc bây,  
Từ bi, nhẫn nhục xưa nay ghi lòng.  
Làm sao lại có đợi chồng,  
Mà cho mây lại vợ chồng ví von?  
Xưa lên cây được bốn con,  
Cùng hai trai gái kiêu tròn như vo.  
Vật vào hòn đá dương cô,  
Thương ôi! chim chích nên tro còn gì  
Trên đầu mây tổ dứt đi.  
Cõi mây nương gió, tóc về Tây Phương.  
Bước vào tới trước tòa vàng,  
Phật liền phán hỏi mọi đường xưa sau.  
Dư ngày dự đã về châu,

Liền quỳ, bèn mới ngỏ tâm mọi lời:  
Con vâng Phật phán tới nơi,  
Đã trong ba tháng, lại ngoài ba năm.  
Trên đầu chim đẽ dư trăm,  
Cứ lời Phật phán dám làm một phen?  
Hằng trông cho được toàn thân,  
Đôi chim chinh chính tổ gần bên tai.  
Ghen tương lắm sự gái trai,  
Chẳng như lại ví thân ai đợi chồng.  
Giận, con đã sớt cả lòng,  
Bôn con cho lẫn vợ chồng xua tay.  
Ấy là lời thiệt bày ngay,  
Dám xin truyền phán lẽ này làm sao?  
Công con khó nhọc tiêu hao,  
Tòa vàng may được chút nào cùng chẳng.  
Phật rằng: Làm sự chẳng hằng,  
Sát sanh thôi lại nói năng ấy gì?  
Có đường, có nẻo thì đi,  
Già lam yết đẩy tức thì đuổi ra.  
Giận thay liền trở về nhà,  
Quyết rằng tìm cảnh yên hà thông dong.  
Non Bồng nước Nhược dù lòng,  
Vui bề sơn thủy, lánh vòng trần gian.

Truyện này chẳng lọ luận bàn,  
Ai xem thì khá tu hành nét na.

---o0o---

## VĂN SÁM PHÁT NGUYỆN

### Bài thứ nhất

Nguyên văn của đức Từ Vân  
Huệ Lưu diễn nghĩa  
Từ Vân phước đức lớn thay,  
Làm văn phát nguyện truyền nay lâu dài:  
Một lòng mỗi một chẳng nài,  
Cầu về Cực Lạc ngôi đài Liên hoa.  
Cha lành là Phật Di Đà,  
Tuôn hào quang tịnh chói lòn thân con.  
Thấm sâu ơn Phật hằng còn,  
Con nay chánh niệm lòng son một bề.  
Nguyện làm nên đạo Bồ-đề,  
Chuyên lòng niệm Phật cầu về Tây Phương.  
Phật xưa lời thệ tỏ tường,  
Bốn mươi tám nguyện dẫn đường chúng sanh.  
Thệ rằng: Ai phát lòng thành,  
Ta đem vật báu để dành các người;  
Thiện nam, tín nữ mọi người,

Chí thành tướng Phật niệm mười tiếng ra;  
Ta không rước tới nước ta,  
Ta không làm Phật, chắc là không sai.  
Bởi vì tôn tướng Như Lai,  
Có duyên tướng Phật, sống dai không cùng.  
Lời thề biển rộng mênh mông,  
Nhờ ơn Phật độ thoát vòng trần lao.  
Tội mòn như đá mài dao,  
Phước lành thêm lớn càng cao, càng dày.  
Cầu cho mình thác biết ngày,  
Biết giờ, biết khắc, biết rày tánh linh.  
Cầu cho sự khổ thoát mình,  
Lòng không luyến mến sự tình thế gian.  
Cầu cho thần thức thanh nhàn,  
Y như đức Phật thặng đàn thuở sơ.  
Đài vàng tay Phật nương chờ,  
Các ngài Bồ Tát bấy giờ đứng trông.  
Rước đi thật đã nên dòng,  
Nội trong giây phút thấy đồng về Tây.  
Xem qua cõi Phật tốt thay,  
Hoa sen đua nở, tánh nay sạch trần.  
Hội này thấy Phật chân thân,  
Đặng nghe pháp nhiệm, tâm thân sáng trưng.



Quyết tu độ hết phàm dân.  
Giữ lời Phật thệ, Phật ân rộng dài.  
Phật thệ chắc thật không sai,  
Cầu về Tịnh độ, nương đài Thích Ca.  
Đất ba bình đẳng một nhà,  
Hoa sen đua nở là cha mẹ mình.  
Hoa nở rồi, biết tánh linh,  
Các ngài Bồ Tát bạn lành với ta.  
Huệ Lưu diễn nghĩa chép ra,  
Ai tu Tịnh độ thì ta sám cùng.

### **Bài thứ hai**

Nguyên văn của thầy Châu Hoằng  
Huệ Lưu diễn nghĩa  
Châu Hoằng thầy hiệu Liên Trì,  
Làm văn phát nguyện chỉ qui một đường.  
Cúi đầu làm lễ Tây Phương,  
Tịnh Bang giáo chủ Phật vương Di-đà.  
Độ người vượt khỏi ái hà,  
Dắt ra hầm lửa, nhảy qua nghi thành.  
Tôi nay phát nguyện vãng sanh,  
Nguyện về Cực Lạc nên danh sen vàng.  
Ngửa trông vòi vọi Đạo tràng,

Rủ lòng thương xót mà mang tôi về.  
Tôi thương ba cõi đắm mê,  
Bốn ơn càng trọng lo bề cứu nhau.  
Tưởng vì đời lắm thâm sâu,  
Quyết làm nên Đạo độ sau luân hồi.  
Không trên một bậc mà thôi,  
Sáng trung đường lối, không đôi nào bì  
Nên tôi lòng gắng dạ ghi,  
Chuyên câu niệm Phật không khi nào rời.  
Phật là đức cả khắp trời,  
Cứu người thoát tử, độ người thọ sanh.  
Còn lo nghiệp trọng, phước khinh.  
Chướng dày, huệ mỏng, phạm tình tối tăm.  
Còn lo lòng nhiễm dễ làm,  
Duyên trần chưa sạch, tánh thâm khó nên.  
Con nay tánh nguyện khởi lên,  
Gối dầm năm vóc, thật bền lòng ngay.  
Mở gan, trải dạ tỏ bày,  
Chí thành sám hối, trông ngày Phật thương.  
Chúng con nhiều kiếp oan ương,  
Từ đời thuở trước không lường đến nay.  
Bởi vì mê tối đại ngậy,  
Sân si quen nết, cãi thầy dạy khuyên.

Ví như ba nghiệp đảo điên,  
Dù cho nước biển rửa liền sạch đâu!  
Than ôi tội nghiệp lớp đầu,  
Nguồn ân, biển ái, thăm sâu vô cùng!  
Ngửa trông đức Phật bao dung,  
Tội mòn, nghiệp hết sạch không hội này.  
Quyết lòng niệm Phật, ăn chay,  
Chí tâm thề nguyện từ rày đến sau.  
Ví dù con có ở đâu,  
Lánh xa bạn dữ chẳng hầu tựa nương.  
Gắng tu đạo Phật giữ thường,  
Thệ không thối chuyển mắc đường thai sanh.  
Nguyện sau tu luyện mau thành,  
Đặng mà cứu độ phàm tình thoát ra.  
Cha lành là Phật Di Đà,  
Đem lòng quảng đại để mà độ con.  
Đoái thương mấy đoạn khúc nôi,  
Chứng tri đệ tử luân hồi oan khiên.  
Cầu con đương buổi ngôi thiên,  
Trong lòng chánh niệm tin chuyên vững vàng.  
Cầu con giác ngộ rõ ràng,  
Thấy Di Đà Phật hào quang rạng mình.  
Cầu cho sắc tướng quang minh,

Thấy Di Đà Phật tâm tình đặng an.  
Nguyện cầu lên cảnh Lạc bang,  
Thấy Di Đà Phật trên đàn giảng kinh.  
Cam lồ Phật rưới đầu mình,  
Hào quang Phật chiếu thanh minh tâm thần.  
Cầu cho áo Phật đắp thân,  
Tay vàng Phật dỡ thoa lần đầu con.  
Cầu cho chướng trước dứt chồi,  
Gốc lành thêm lớn, vun bồi tốt tươi.  
Cho con sạch hết việc đời,  
Trong lòng thanh tịnh như người Tây Phương.  
Tánh linh, màu nhiệm tỏ tường,  
Mau nghe Chánh pháp như gương trên đài.  
Màu thiền thanh tịnh khoan thai,  
Tịnh quang cõi Phật thấy hoài không ngại.  
Như con gần tới qua đời,  
Khiến cho linh tánh đặng con biết lần.  
Đừng cho bệnh khổ vào thân,  
Tử an, sanh thuận như thần ban xưa.  
Đừng cho luyến mến dây dưa,  
Đứng mà thành Phật, Long Thơ Tống trào.  
Sáu căn đừng có lao xao,  
Rõ ràng chánh niệm như sao Bắc thần.

Hết rồi một đoạn báo thân,  
Vào trong thiên định xuất thân Tây quy.  
Ngó gần thấy Phật A Di,  
Quan Âm, Thế Chí, trụ trì trước ta.  
Các ông Thánh chúng Hằng sa,  
Tuôn hào quang xuống chói lòa rước con.  
Duỗi tay xuống tiếp một hồi,  
Lầu, đài, cờ, phướn đông thôi quá chừng.  
Nhạc trời tâu trời vang lừng,  
Mùi nhang thơm ngát, vui ung tâm lòng.  
Tây Phương cảnh Phật thông dong,  
Rõ ràng trước mắt hiện trong cõi này.  
Kẻ nghe người thấy vui thay,  
Khiến cho ai nấy liền ngày phát tâm.  
Chỉ người chánh tín tưởng thâm,  
Bước vô đạo Phật, khỏi hàm lửa thiêu.  
Vui thay cõi Lạc tiêu diêu,  
Ai theo Phật rước, cao siêu Liên đài.  
Vung tay về chốn Kim giai,  
Gần trong Cực Lạc, xa ngoài trần lao.  
Tòa sen rục rở trong ao,  
Đỏ, vàng, xanh, trắng tuôn hào quang ra.  
Con ngòi chễm chệ trong hoa,

Phật cùng Bồ Tát Hằng hà nhóm đông.  
Con nghe pháp nhiệm tử lòng,  
Chúng Vô sanh nhẫn, chân tông thượng thiên.  
Chỉ trong giây phút thành duyên,  
Vâng nghe chư Phật dạy truyền pháp âm.  
Đặng nhờ thọ ký ấn tâm,  
Dạy rồi, linh tánh bao năm nhớ hoài.  
Ba thân, bốn trí lâu dài,  
Sáu thông năm mắt, chuyện ai cũng tường.  
Đà-la thân chú nhiều phương,  
Phép nào cũng biết, như gương soi hình.  
Bao nhiêu công đức chứng minh,  
Nhớ ghi gồm đủ như kinh Phật truyền.  
Mình đà cõi Phật ở yên,  
Nhớ lời thệ trước độ duyên Ta-bà.  
Thần thông biến hóa thân ta,  
Khắp mười phương thấy hiện ra phép màu.  
Từ bi phước đức thăm sâu,  
Có duyên hóa độ, đâu đâu vâng lời.  
Khắp trong cả thấy nhiều nơi,  
Cũng đều độ hết người đời trầm luân.  
Khiến cho lòng tịnh quen lần,  
Dứt tình ái dục, lưu thân thiện lương.

Dắt người về đến Tây Phương,  
Vào hàng Bất thối nấu nướng bạn lành.  
Lòng con thế độ chúng sanh,  
Rộng như biển cả cùng gành hư không.  
Hằng hà thế giới đều thông.  
Chúng sanh phiền não độ đồng sạch tron.  
Nếu mà còn để nhờn nhờn,  
Nguyện con không hết, như đờn đứt dây.  
Phật thương, chúng lễ nguyện này,  
Tu trì công đức độ ngay hữu tình.  
Bốn ơn đền đáp phân minh,  
Ba đường cứu vớt siêu sinh khỏi nạn.  
Nguyện chung thế giới ba ngàn.  
Vẹn tròn một trí vào bang Phật đà.  
Nguyện về Cực Lạc một nhà,  
Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình.  
Hoa nở rồi biết tánh linh,  
Các ông Bồ Tát bạn lành với ta.  
Huệ Lưu diển nghĩa chép ra,  
Ai tu Tịnh độ cùng là sám chung.

### **Bài thứ ba**

Cả Phương

Quảng Nam thuộc nước Việt đây,  
Làm văn phát nguyện, con này Cả Phương.  
Con từ kiếp trước không lường,  
Lãng đi bôn tánh nên vương cõi trần.  
Chết đi sống lại xoay vần,  
Thay hình đổi xác nhiều lần vào ra.  
Phước lành trút bỏ thân ta,  
Gặp trang giáo pháp xuất gia tu hành.  
Cạo đầu, phát nguyện làm lành,  
Cớ sao phá giới? Lòng đành tán chơn.  
Giết loài sanh vật bất nhân,  
Ham ăn cá thịt dưỡng thân như này.  
Gạt người lấy của liền tay,  
Cửa trong Tam Bảo hàng ngày tham lam.  
Chấp chi tà ngụy cũng làm.  
Đắm say tử sắc, mê ham chơi bời.  
Hủy Tăng, báng Phật, khi người,  
Nghịch cha, cãi mẹ, dễ lời thầy răn.  
Thấy người tài đức ép dần,  
Gieo tai, cấy vạ, kiếm ăn cho đành.  
Nhúng tay vào đám lợi danh,  
Đua ganh phải quấy, nói mình là hơn.  
Lòng tà làm việc bất nhơn,



Khua môi, múa lưỡi vang rân lầy lừng.  
Ở chùa tụng niệm bản thân,  
Ra đi đám tiệc, việc mần tinh chiên.  
Ngoài bày hình dạng tướng thiên,  
Trong lòng quỷ quyết, đảo điên, khi người.  
Ăn no, biếng nhác, dong chơi,  
Cộc cần, ham hố, thói đời ngán thay!  
Tranh danh đua lợi tới ngày,  
Thây trôi biển cả, ai rày biết đâu!  
Việc lành không chút góp thân,  
Ba đường tội báo dễ hầu dung tha.  
Ngửa cầu đức Phật Di Đà,  
Thánh tăng, Thế Chí cùng là Quan Âm.  
Mở mang đức rộng chiếu lâm,  
Cúi thương cho kẻ lỗi lầm, cứu con.  
Sáu căn, ba nghiệp sạch rồi,  
Bởi vì gốc phước mọc chồi đến nay.  
Tròn vành một niệm thẳng ngay,  
Dứt đường tội nghiệp, trở quày đường quang.

---o0o---

## **II. CÁC THỂ THƠ : KỆ KHÓA HƯ**

**Trần triều Thái tông Hoàng đế (1225-1258) ngự chế**

## Huyền Mặc phụng diễn

### 1. Kệ Bốn núi

(Sanh Lão Bệnh Tử)

Tứ sơn tiêu bích, vạn thanh tùng,  
Ngộ liễu, đồ vô vạn vật không.  
Hỷ đắc lưu nhi tam cước tại,  
Mạch ký đả sấn thương cao phong.

Diễn nôm

Bốn non, muôn bụi xanh rì,  
Tĩnh ra, muôn vật có gì gì đâu.  
Con lừa ba cẳng ruồi mau,  
Ta vui cười nó lên đầu núi cao.

#### **Núi thứ nhất: Tướng sanh**

Chân tể huân đào vạn tượng thành,  
Bôn lai phi triệu, hựu phi manh.  
Chỉ sai hữu niệm, vong vô niệm;  
Khước bội vô sanh, thọ hữu sanh.  
Tỵ trước chư hương, thiết tham vị;  
Nhân manh chúng sắc, nhĩ văn thanh.  
Vĩnh vi lãg đãng phong trần khách,  
Nhật viễn gia hương vạn lý trình!

Diễn nôm

Thọ hóa đúc nên muôn tượng hình,

Vốn xưa chẳng mỏng, chẳng là mảnh.  
Chỉ làm có niệm, quên không niệm;  
Vậy trái không sanh, chịu có sanh.  
Mũi, lưỡi đã tham hương với vị;  
Mắt, tai lại đắm sắc và thanh.  
Phong trần lưu lạc dài làm khách,  
Ngày cách quê hương muôn dặm xanh!

### **Núi thứ nhì: Tướng lão**

Nhân sanh tại thế nhược phù âu,  
Thọ, yếu nhân thiên, mặc vọng cầu.  
Cảnh bức tang du tương hướng vãn;  
Thân như bò liễu tạm kinh thu!  
Thanh điều tích nhật Phan Lang mẩn,  
Bạch biến đương niên Lữ Vọng đầu!  
Thế sự thao thao hồn bất cố,  
Tịch dương tây khứ, thủy đông lưu!  
Diễn nôm  
Đời người bọt nổi khác chi dâu,  
Thọ, yếu nhờ trời, chớ bậy cầu.  
Canh mặt tang du hầu đến tối,  
Mình như bò liễu tạm qua trâu!  
Phan Lang bữa trước xanh chòm tóc,  
Lữ Vọng ngày nay bạc mái đầu!

Man mác sự đời thôi mặc kệ,  
Bóng chiều tây xế, nước đông sâu!

### **Núi thứ ba: Tướng bệnh**

Âm, dương khiên đức bổn tương nhân,  
Biến tác tai truân cập thể nhân!

Đại để hữu thân phương hữu bệnh;

Nhược hoàn vô bệnh diệc vô thân.

Linh đơn mạn sá trường sanh thuật;

Lương dược nan linh bất tử xuân.

Tảo nguyện viễn ly ma cảnh giới,

Hồi tâm hướng Đạo dưỡng thiên chân.

Diễn nôm

Âm dương lỗi đức tạo nên nhân,

Cảm mạo làm ra nạn thể nhân.

Biết lại có thân, nên có bệnh,

Nếu mà không bệnh cũng không thân,

Trường sanh làm tướng đơn làm thuật;

Bất tử khôn đem thuốc trở xuân.

Nguyện lánh cõi ma đi cho sớm,

Trở về nuôi lấy tánh thiên chân.

### **Núi thứ tư: Tướng tử**

Bãi đặng cuồng phong quát địa sanh,

Ngư ông túy lý điều châu hoành.

Tứ thù vân hợp âm mai sắc,  
Nhất phái ba phiên cổ động thanh.  
Vũ cước trận thoi phiêu lịch lịch,  
Lôi xa luân chuyển nộ oanh oanh.  
Tạm thời trần liễm thiên biên tịnh,  
Nguyệt lạc trường giang dạ kỷ canh.

### **Diễn nôm**

Gió cuồng quét đất phút lung lay,  
Thuyền lật ông chài lúc rượu say.  
Bốn phía mây lồng màu tối xảm;  
Một lần sóng gợn tiếng vang đầy.  
Gót mưa đòi trận lằn xô đẩy;  
Xe sấm bao vòng vội trở xây.  
Cát bụi bên trời khi tạm sạch,  
Sông dài trắng lặn mấy canh chày.

---o0o---

### **2. Kệ Sắc thân**

Vô vị chân thân xích nhục đoàn,  
Hồng hồng, bạch bạch mạc tương man  
Thùy tri vân quyền trường không tịnh,  
Thúy lộ thiên biên nhất dạng san.

### **Diễn nôm**

Khôi thịt chân nhân biết ở đâu?

Hường hay là trắng chó lừa nhau.  
Ai hay mây cuốn trong không tịnh,  
Móc biếc bên trời núi một màu.

---o0o---

### ***3. Kệ răn sát sanh***

Vũ, mao, lân, giáp tận hàm linh,  
Úy tử, tham sanh khởi dị tình?  
Tự cổ Thánh hiền hoài bất nhẫn,  
Yên năng kiến tử dữ tham sanh?

#### **Diễn nôm**

Cánh, lông, mai, vẩy tánh đều linh,  
Sợ tử, tham sanh há khác tình?  
Hiền thánh từ xưa lòng chẳng nỡ,  
Sao đành thấy tử với tham sanh?

---o0o---

### ***4. Kệ răn trộm cắp***

Tạc bích, xuyên tường ý bất hư.  
Thiên ban, bá kế khổ doanh cầu.  
Kim sanh cầu đắc tha nhân vật,  
Bất giác chung thiên thọ mã, ngư.

#### **Diễn nôm**

Khoét vách, đào tường chí những đâu,  
Ngàn mưu, trăm kế những tham cầu.

Của người dù có đời này được,  
Đời khác luôn làm kiếp ngựa, trâu.

---o0o---

### **5. Kệ răn ham sắc**

Tai nạn mai hương, kiếm nhị đào,  
Kiến chi mục tống, ý điều điều.  
Đô Lư nhất đại cơ bì xú,  
Ám đoạn nhân trường bất dụng đao!

#### **Diễn nôm**

Tóc xức hương mai, má phấn đào,  
Mắt đưa lăm lét, ý nao nao.  
Thịt da một túi dơ tuồng thú,  
Cắt ruột người ta lựa phải đao!

---o0o---

### **6. Kệ răn nói bậy**

Hiếp kiên, siểm tiêu, thiệt diêu thân,  
Vĩnh tác trần hoàn vọng ngữ nhân.  
Tự ý cầu hoan xu thế lợi,  
Đáo đầu tranh miễn nghiệp triền thân!

#### **Diễn nôm**

So vai, cười bợ, lưỡi khua môi,  
Nói bậy dua đời mãi thế thôi.  
Dòm ý cầu vui xô thế lợi,

Rốt cùng ác nghiệp thủa nào rồi!

---o0o---

### **7. Kệ răn uống rượu**

Nhất úng tao khang khúc nhượng thành,

Kỷ đa trí giả một thông minh!

Phi duy độc phá tri lưu giới,

Bại quốc, vong gia tự thử sanh!

#### **Diễn nôm**

Một hủ cơm, men đúc lộn thành,

Bao nhiêu người trí mất thông minh!

Chẳng riêng phá giới hàng Tăng chúng,

Mất nước, tan nhà cũng đó sanh.

---o0o---

### **VỊNH THÁP BÁO THIÊN**

Chúa Trịnh Căn (1682-1709)

#### **I**

Bồn bề đen ngắt gấm vân chương,

Cảnh lạ mùi phân chỉ khác thường.

Thắm thắm liên đài, nhuần diệu sắc,

Thênh thênh phúc chỉ nức thanh hương.

Vây nên cõi pháp trùng tha tính,

Suốt được lòng người lạc thiện phương.



Gió Đạo thổi đưa hòa hỷ hỷ,  
Công khi ngoạn thưởng rất thư lương.

---o0o---

## II

Bình phong tám bức mọi đồ thâm,  
Đầm ấm trời xuân ngọc một bầu.  
Mây thộ đùn đùn toàn bảo các.  
Non nhân vọi vọi đối chung lâu.  
Mở đường tế độ là ơn rộng,  
Ngõ cửa từ thông tỏ đạo màu.  
Thắng lãm chọn đây làm phẩm nhất,  
So trong tịnh giới há nhường đâu.

---o0o---

## KHUYÊN HỌC PHẬT

Ứng Bình Thúc Giạ thị  
Đường danh, nẻo lợi ngó đông đông.  
Chen chúc nhau chi đám bụi hồng?  
Kìa bóng bạch câu qua chẳng lại;  
Nọ tranh vân cầu có rồi không.  
Lỡ cười, lỡ khóc trên sân khấu;  
Khi nở, khi tàn mấy cụm bông.

Muốn kiếp phù sanh sau khỏi lụy,  
Quyên kinh, câu kệ chớ nài công.

---o0o---

## **HỌA VĂN BÀI KHUYÊN HỌC PHẬT**

Của cụ Lễ Bộ Thượng Thư Thúc Giạ thị

### **I**

Bình Nam

Son phấn ghen nhau thấy cũng đông,  
Hồn mê chợt tỉnh giấc lâu hồng!  
Hoa gương, trăng nước kêu rằng có;  
Sừng thỏ, lông rùa vốn thật không.  
Đường lợi đua chen e lắm bụi;  
Cội tu vun quén sẽ nhiều bông.  
Đời càng khó nhọc càng thêm khổ.  
Sáu chữ Di Đà chẳng tốn công.

---o0o---

### **II**

Châu Khuê

Đành chịu ơ hờ với chúa đông.  
Vì không tham tía, chẳng tham hồng.  
Đã toan trừ hết lòng phiền não;  
Nên quyết tìm ra tướng sắc không.  
Giống vãi đất lành thì tốt trái;

Lúa cho cỏ lộn há nhiều bông?  
Vô minh che lấp từ vô thủy,  
Muốn phá vô minh phải gắng công.

---o0o---

## **VỊNH CẢNH CHÙA KHÁN SƠN**

### **Chúa Trịnh Căn**

Một khuôn nhuần được khí thanh huyền,  
Cảnh tự nhiên này khéo uyển nhiên.  
Tinh xá làu làu vàng nguyệt dải;  
Phương đình thán thán bóng thông in.  
Khăng khăng nẻo nhiệm thiên quan tĩnh;  
Lộng lộng đường thông pháp giáo truyền  
Nhấn nhũ bàng nhân du thương đấy,  
Gìn lòng kính cẩn, chớ trần duyên.

---o0o---

## **VỊNH CẢNH CHÙA HOA YÊN**

### **Chúa Trịnh căn**

Cung quế hương đưa thoảng thoảng mùi,  
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai.  
Thanh lương một khóm vang vang rộng;  
Ưu-bát ngàn xuân rờ rờ tươi.  
Gió đức hiu hiu nhuần mọi đỉnh;

Doành nhân cuộn cuộn khắp đòi nơi,  
Thấy thiên tăng những vân vân hồi.  
Cảnh mây thu chày hãy hãy vui.

---o0o---

## **VỊNH CẢNH CHÙA PHÁP VŨ**

**Chúa Trịnh Căn**

Thanh quang môn mở chốn Dao Quang,  
Gấp mây trần gian, mây thế thường!  
Cả mở tượng đồ, đồ huệ chiếu;  
Vẹn gồm khoa lục, Lục Kim Cương.

Doành thâm bích hải, doành quanh quất,  
Sắc ánh từ vân, sắc rõ ràng.  
Đức thanh càng ngày càng hiển ứng,  
Đừng thay, đừng lạnh dấu đăng hương.

---o0o---

## **VỊNH CẢNH CHÙA THANH MAI**

**Chúa Trịnh Căn**

**I**

Bừng mắt xa trông sức cửu thiên,  
Rộng thâm thú vị khéo viên tuyền.  
Binh boong chày nện trên chung các,

Ngào ngạt hương lừng trước ngọc hiên.  
Kẻ thoát tam đồ, vầy cõi phúc,  
Người qua thập giới dốc lòng thiên.  
Từ bi đường ấy, oan linh ấy,  
Một tác niềm đơn rất kính tin.

---o0o---

## II

Gây dựng nhờ nơi thái nhất quyền,  
Đích nên tịnh cảnh khắp ba ngàn,  
Cung châu xét tỏ công vô lượng,  
Cửa phạm sum nhau khách hữu duyên,  
  
Gió phát thông reo nhờ nhạc võ;  
Suối tuôn nước chảy ngõ chuông rền.  
Nghiệm xem cảm ứng nhơn nhơn bấy,  
Bút chép thơ đề biết mấy thiên.

---o0o---

## VỊNH CẢNH CHÙA NÚI PHẬT TÍCH

### Chùa Trịnh Căn

Kiền khôn thấu vén một bầu đông,  
Nảy nảy siêu nhiên chỉ lạ lòng.  
Hương vũ, trăng thiên soi vặc vặc;  
Vân song, tiếng ngọc nặng boong boong.

Ao trong lẻo lẻo ngư long hội;  
Non nhiều trùng trùng cẩm tú phong.  
Luận thế giới này, giai cảnh ấy,  
Có bề quang đại, có linh thông.

---o0o---

## **VỊNH CẢNH CHÙA PHỔ LAI**

### **Chúa Trịnh Căn**

Tạo thành nhờ có sức thiên thành,  
Thắng cảnh thừa lương rất hữu tình.  
Hoa ánh đài lan màu điêm ngọc;  
Xuân vậy dặm liễu thức pha xanh.

Tinh hà vẽ rạng ngàn tầng gấm;  
Sơn thủy đồ phong mấy bức tranh.  
So với Viên kiều đây ý cũng,  
Xiết đâu khen ngợi khí chung linh.

---o0o---

## **NHỚ CẢNH CHÙA ĐỘI**

Già, yếu, xa xôi bấy đến nay,  
Làng chơi loáng thoáng lại buồn thay.  
Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá,  
Sư cụ nằm chung với khói mây.  
Dặm thế ngõ đâu từng trúc ấy,

Thuyền ai khách đọi bến dâu đây?  
Chuông trưa vắng tiếng, người không biết,  
Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.

---o0o---

## UNG HỒ SƠN TỰ

Vịnh cảnh chùa núi Ung Hồ

Đường Thi

Không sơn tịch mịch, đạo tâm sanh,  
Hư cốc siêu dao đã điều thanh.  
Thiền thất tòng lai vân ngoại thưởng,  
Hương đài khởi thị thể trung tình?  
Vân gian đông lĩnh thiên trùng xuất;  
Thọ lý nam hồ nhất phiến minh.  
Nhược sử Sào, Do đồng thử ý;  
Bất tương la tích dịch trâm anh.

### **Diễn nôm (Huyền Mặc Đạo Nhân)**

Non không vắng vẻ khởi lòng lành,  
Hang trống treo xa, tiếng chóc rinh.  
Nhà sãi vốn vui ngoài tục cảnh;  
Đài hương há lộn đám trần tình?  
Núi theo giấc khói ngàn trùng mọc;  
Hồ rặng chòm cây một tấm thanh,  
Có lẽ Sào, Do đồng ý ấy;

Chẳng đem dây vương đỗi trâm anh.

---o0o---

## THƠ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

1.

Giàu chênh chệch, khó lời thơi,  
Vận chuyển lưu thông há của ai.  
Vững nợ ghê khi làm bãi cát,  
Chòi kia có thưở lọt hòn thai.  
Khôn ngoan mới biết thặng rồi giáng;  
Đại đột nào hay tiêu có đài.  
Đã khuất bao nhiêu thì lại tủi,  
Đạo trời lỏng lẻo chẳng hề sai.

---o0o---

2.

Giàu ba bữa, khó hai niêu,  
Yên phận thì hơn hết mọi điều.  
Khát uống trà mai hơi ngọt ngọt,  
Sốt kê hiên nguyệt gió hiu hiu.  
Giang sơn tám bức là tranh vẽ,  
Hoa cỏ bốn mùa ấy gấm thêu.  
Thong thả hôm, khuya nằm, sớm thức,  
Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu.

---o0o---



3.

Giàu sang người trọng, khó ai nhìn,  
Mấy dạ yêu vì kẻ lỡ làng.  
Thuở khó dẫu chào, chào cũng lảng.  
Khi giàu chẳng hỏi, hỏi thì quen.  
Quen hiềm dan díu đều làm bạn,  
Lảng kéo lân la nổi bạ men.  
Đạo nọ, nghĩa này trăm tiếng,  
Nghe lui thình thình lại đồng tiền.

---o0o---

4.

Thấy dặm thanh vân bước ngại chen,  
Được nhàn ta xá dưỡng thân nhàn.  
Ba gian am quán lòng hằng mến,  
Đòi chốn san hà mặt đã quen.  
Thanh vắng thú quê giàu bao nã,  
Dữ lành miệng thế mặc chê khen.  
Mai kia chữa dễ thu nên muộn,  
Xuân nọ tin hoa cũng mấy phen.

---o0o---

5.

Tháng măn đã qua, ngày đã rồi,

Hãy yên thừa phận mới nên vui.  
Bóng hoa lay động am chư Phật,  
Măng trúc còn tươi bếp mới sôi.  
Náo nhiệt công danh nhiều thỏa chí,  
Thư nhàn sơn dã mới hay mùi.  
Làm người chớ thấy tài mà cậy,  
Có nhuệ bao nhiêu lại có đời.

---o0o---

6.

Được thua thấy đã ít nhiều phen,  
Để rẻ công danh đổi lấy nhàn.  
Am Bạch Vân rồi nhàn hứng,  
Dặm hồng trần vắng ngại chen.  
Ngày chầy hạp mặt hoa là khách,  
Đêm vắng hay lòng nguyệt ấy đèn.  
Chớ chớ thờ ơ, nhìn mới biết,  
Đỏ thì son đỏ, mực thì đen.

---o0o---

7.

Chửa dễ ai là Phật Thích Ca,  
Mọi niềm nhân ngã hẳn thì qua.  
Lòng vô sự trắng in nước,  
Cửa thảng lai gió thổi hoa.

Kìa khách xuân xanh khi trẻ,  
Mấy người đầu bạc tuổi già.  
Thanh nhân ấy ắt là tiên khách,  
Được thú ta đà có thú ta.

---o0o---

8.

Giàu, khó đành hay chĩn phận mình,  
Mấy đường gai góc biếng đua tranh.  
Cơm ăn chẳng quản mùi xa, bạc,  
Áo mặc nề chi tấm rách, lành.  
Đạp gói mong nhiều người ản dật,  
Bận lòng lại tưởng cái công danh.  
Cho nên nắn ná trong lều cỏ,  
Nhân mát ngồi xem thuở thái bình.

---o0o---

### **VỊNH NÚI NGŨ HÀNH**

Bà Bang Nhãn  
Cảnh trí nào hơn cảnh trí này,  
Bồng Lai âu cũng hẳn là đây!  
Núi chen sắc đá màu phơi gấm,  
Chùa nực hơi hương khói lộn mây.

Ngư phủ gác cần ngư mặt nước,  
Tiều phu chống búa dựa lưng cây.  
Nhìn xem phong cảnh ưa lòng khách,  
Khen bầy thợ trời khéo đắp xây?

---o0o---

### **ĐỀ CHÙA BÀ ĐANH**

Vua Lê Thánh Tôn ngự chơi chùa Bà Đanh, nghe trong chùa có tiếng tiều nữ tụng kinh vang lanh lảnh. Vua ngự đề lên vách hai câu thơ:

Tới nơi thấy cảnh thấy người,  
Tuy vui đạo Phật, chưa nguôi lòng trần.

Vua lấy hai câu ấy làm đầu đề, bắt các quan tụng thần vịnh ra thơ. Quan Tao Đàn Phó nguyên soái là Thân Nhân Trung phụng chỉ vịnh rằng:

Ngắm sự trần duyên khéo nực cười,  
Sắc không tuy Phật, hãy lòng người.  
Chày kinh một tiếng tan niềm tục;  
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời.  
Bể ái ngàn trùng mong tát cạn,  
Nguồn ân muôn trượng chữa khơi vơi.  
Nào nào Cục Lạc là đâu nữa?  
Cục Lạc là đây chín rõ mười.

Vua đưa cho tiều nữ xem, tiều nữ chê hai câu 3, 4, thiếu ý cảnh, bèn sửa lại:

Gió thông đưa kệ tan niềm tục,

Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.

Vua khen hay, bèn đưa nàng về cung, đi đến cửa Đại Hưng chột biến mất. Vua lấy làm lạ, bèn xây dựng một cái lầu, gọi là Vọng Tiên Lâu để làm di tích.

Hiện giờ còn có miếu thờ đề là Vọng Tiên Quán ở phố Hàng Bông, trong thành phố Hà Nội.

---o0o---

## **ĐỀ CHÙA TIÊN**

### **Chúa Trịnh**

Chợt khỏi Thiên Trù thoát rẽ lên,

Cửa hàng thăm thẳm một đường trên.

Chở mây quanh quất lồng hương Phật,

Gõ đá vang lừng lối nhạc Tiên.

Bảo cái đùn đùn trên bảo tọa,

Kim quang chêm chêm trước kim liên.

Thanh xa dẫu cũ còn ghi đề,

Quên được xe loan biết mấy phen.

---o0o---

## **ĐỀ TRUYỆN THỊ KÍNH**

### **Yên Đỗ**

#### **I**

Động phòng thôi đã đến tăng phòng,

Người ở Thiên phương bái Phật phương.  
Chồng cũ mong nàng đầu nhuộm trắng;  
Con nuôi gọi bố miệng hoe vàng.  
Ba sanh ân ái hai hàng lệ;  
Chín đọt từ bi một nén hương.  
Trần mộng tỉnh ra thân thiếp đó,  
Mảnh thơ xin giải để làm gương.

---o0o---

## II

Món nợ giai nhân nặng khối sầu,  
Những người mắt tục biết chãng đâu.  
Cái duyên bạn lứa thương chàng Thiện,  
Gieo vạ thầy tăng oán Thị Mầu.  
Hồn bướm mơ màng ngàn dặm một,  
Nghĩa vò chằm chút sáu năm râu.  
Tám thân đã hóa, thơ còn để,  
Nhấn khách thuyền quan dễ khéo tu.

---o0o---

## **VỊNH CẢNH HỘI CHÙA THẦY**

Trích tiểu thuyết Duyên nợ văn chương

Huyền Mặc Đạo Nhân

Cảnh sắc thanh u núi một chòm,  
Ngoài đời gác mặc tiếng om sòm

Chợ Trời ngược mặt đèo cao vọi;  
Hang Thánh nhô đầu động tối om.  
Khách tới cầu Tiên treo lớp ngóp;  
Người vào lạy Phật cúi lom khom.  
Mộng trần mơ tưởng nơi huyền diệu,  
Tìm được chân thân xác đã khò!

---o0o---

## **TẶNG VÂN TUYỀN ĐẠO CÔ**

Trích trong Hồng Phần văn chương  
của một số độc giả Nữ giới Tòng thơ đề tặng  
vào lúc Đạo Cô làm chủ bút.

---o0o---

**I**

Lê thị A. T.

Lòng đạo, lòng văn cũng một lòng,  
Đem mà tô điểm vẻ non sông.  
Hư vô tuy gởi nơi rừng tía,  
Từ mẫn nào quên chốn bụi hồng.  
Chày mõ nện sương tan tục lự,  
Ngọn đèn khêu nguyệt rạng chân không.  
Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát,  
Mấy tiếng chuông mai gọi tiếng công.

---o0o---

## II

### Cao Thành Vãn

Tài tử nào phân gái với trai,  
Đạo cô ai dễ biết là ai?  
Hồi chuông cảnh tỉnh vang trần giới,  
Tiếng mõ chiêu hồn dậy Phật đài!  
Độ tuổi cỏ nhân chừng dưới một;  
Sấp hàng kim đại hãn trên hai!  
Nghe danh lựa phải từng quen mặt,  
Đôi chữ Vân Tuyên đã thuộc tai.

---o0o---

### THIÊN MÔN LÃNG TÍCH

#### Thanh Sơn

Trái nếm mùi trần chán đắng chua,  
Tương rau đạm bạc bữa cơm chùa.  
Rèn lòng cửa Phật con sa sác,  
Nóng một đường đời nổi được thua.  
Tủ kiếp trầm luân làn sóng dập,  
Tĩnh hồn đọa lạc tiếng chuông khua.  
Hai mươi năm lẻ từng lao khổ,  
Trái nếm mùi trần chán đắng chua.

---o0o---



### III. CÁC THỂ VĂN BIÊN NGÃU (biên văn dụng niêm, biên văn dụng vận)

#### *Văn Tế Âm Hồn Ở Kontum*

Bài này đọc trong lễ chẵn tế khi khánh thành chùa Sắc Tứ Báo Ân,  
không rõ của ai.

Hỡi ôi!

Số kiếp dở dang,

Căn duyên trắc trở.

Đùi hiu gió thổi,

Nấm xương vàng lấm nổi đắng cay;

Nghi ngút hương bay,

Lễ đạm bạc mấy lời than thở!!

Các vong xưa:

Trú ngụ Kon Tum,

Vôn người dưới chợ.

Từng nghĩ đó ruộng nhiều đất tốt,

Băng non xanh mong lúa lẫm, tiền kho;

Nào ngờ đâu nước độc ma thiêng,

Xông đất đỏ vốn dễ ăn khó ở!

Trước những tướng xa quê ngại cảnh,

Ít người càng đùm bọc lấy nhau;

Sau chẳng dè rừng rậm non sâu,

Nhiều bệnh ngặt vương mang khó gỡ!

Cũng có kẻ áo ràng xiêm buộc,  
Mong đền bồi nợ nước ơn vua;  
Cũng có người quần vận yếm mang,  
Lo toan tính của chồng công vợ.  
Cũng có kẻ theo đường thương mại,  
Phải đeo mang buôn Mọi, bán Lò;  
Cũng có người kiếm kế sanh nhai,  
Lên lặn lóc làm thầy, làm thợ.  
Cũng có kẻ thiên phương bách kế,  
Nghịch đạo nhà trốn tránh ả thân;  
Cũng có người một lỗi hai lầm,  
Trái luật nước đọa đày cầm cố.  
Nhớ đến kẻ tay bùn chân lấm,  
Sống không nhà, thác lại không mồ;  
Nghĩ lại mình máu đỏ đầu đen,  
Nín cũng hổ, nói ra cũng hổ!  
Phạm hai chú bước cao, bước thấp,  
Gánh ra đi, biếng nổi chân đi;  
Chiều nửa manh thiếu trước thiếu sau,  
Quãng xuống lỗ, ra ngoài miệng lỗ.  
Tủi cho kẻ mới đi mới chạy,  
Kiếp ba sanh ước cũng trăm năm;  
Thương cho ai đạn lạc tên bay,

Bỗng một phút ra người thiên cổ!  
Thảm những lúc trăng mờ bóng xế,  
Gội nắng mưa lạt nắm xiêu mờ;  
Thương mấy khi thỏ lặn ác tà,  
Ai nhang khói ngày đơm thánng giỗ!  
Âm thâm tủi đất không che xác,  
Nghiêng ngửa kia xương cốt còn phơi;  
Ngậm ngùi thương cây chẳng tránh mờ,  
Lăn lóc đó thi hài bộc lộ!  
Thảm cho kẻ bỏ thì thương, vương thì nặng,  
Non thê biển hẹn, môi chung tình  
Đành để lại giang san;  
Tủi cho ai nằm bên lạnh, tránh bên khô,  
Mang nặng đẽ đầu, nắm gan ruột  
Cũng liều cùng thủy thổ!  
Thấy nay được lầu son gác tía,  
Xe qua ngựa lại, việc làm ăn  
Trăm sự dễ dàng;  
Nhớ xưa còn nước biếc non xanh,  
Vượn hú chim kêu, công khai phá  
Ngàn điều cực khổ.  
Ôi thôi nay!  
Hàng xứ chăm nom, nước nhà chiếu cố.

Trong rừng rú, kẻ có công, người có cửa,  
Phát bờ, phát bụi, khi khói hương  
Rầm lớn vĩa to;  
Giữa thành không, giàu làm kếp, hẹp làm đơn,  
Lập miếu, lập chùa, khi thăm viếng  
Thanh Minh tảo mộ.  
Xin nhớ chữ tử sanh hữu mạng,  
Sống thác đều máy tạo vắn xoay;  
Chớ quên câu họa phước vô môn,  
Vinh nhục cũng cơ trời định số.  
Kiếp gió bụi ba sanh vốn nợ,  
Đừng nghĩ chi núi thâm rừng sâu;  
Chí anh hùng bốn biển là nhà,  
Đâu thôi cũng quê cha đất tổ.  
Thuyền Bát-nhã câu kinh giải thoát,  
Tĩnh phiên ba giã chốn âm ty;  
Bóng Bồ-đề giọt nước lành dương,  
Hết oan trái về nơi Tịnh độ.  
Giữa rừng tía, nhang chong đèn rạng,  
Xin chứng cho lễ bạc lòng thành;  
Dưới suối vàng, sống khôn thác thiêng,  
Nên gắng lấy phù trì ủng hộ.

***Khao Thần Ôn Dịch***

*Phạm Thái*

Thượng thừa Phật Tổ,

Hạ sắc pháp sư.

Thỉnh Lưu, Quan, Triệu, Trương sở cứ:

Quản Đông, Tây, Nam, Bắc các phương.

Chánh chương ngũ hành:

thuộc kim, mộc, thủy, hỏa, thổ khí;

Phục thi ngũ sắc:

trước thanh, hoàng, xích, bạch, hắc y.

Đương niên hành khiển,

cho tới ngũ phương sứ giả, các bộ ôn binh.

Kẻ ra tay vực nước chôn hung trường,

thệ chí ấy với nước non mà chẳng quản;

Người vâng mạng phòng biên nơi thú khỗn,

phú thân này cho cây cỏ cũng không nề.

Đỉnh phú xuân muôn kiếp tạc danh;

Doanh ái mộ ngàn thu vẹn tiết.

Người quyết chí để trọn nghì phu phụ, thuyên

ái ân chèo dòng biếc linh đình;

Kẻ căm gan cho vẹn đạo quân thần, gươm

trung nghĩa liếc sương nghiêm lóng lánh.

Thúy Ai gương thu soi tiết chánh;

Hạ Lôi gió bắc thổi hồn trung.  
Buồm cần vương cuốn ngược gió nam,  
cung thủy tổ, doanh phù âm chạy bắc;  
Cờ bát loạn phát tàn nắng hạ,  
bộ kim cang, nền bảo tọa về Tây.  
Cơ âm dương ấy mới gọi là ghê,  
Kiếp kim cỏ bồng xui nên như thế.  
Phụng huyện nọ ai buông búa oán,  
ngựa tê phong thét động đỉnh Tiêu San;  
Bảo châu kia kẻ múa gươm thù,  
cung xạ đầu bắn lột ngàn Thiên Lân.  
Doanh Lô sóng cuộn, nổi lớp cang thường;  
Non Tản đá xây, vững nền tiết nghĩa.  
Khách của ngọc, người rơm,  
miền núi thăm, ma thiêng nước độc,  
để hồn bay cho đá thăm hoa sâu;  
Kẻ lợi ruồi, danh ếch,  
chôn sông khơi, gió thét mưa gằm,  
đem phách lạc mặc mây sâu trắng ủ!  
Bên trời góc biển, tặng khách cô đơn,  
Cháo Phật cơm Thần, mớm loài quả độc.  
Lại có kẻ gặp khi hung khiêm,  
vì cơ hàn nên nổi phân ly;

Cũng có người vì lúc thương hàn,  
dù bùa thuốc chẳng phương hiệu nghiệm.  
Có sanh có diệt, tạo hóa khôn lường;  
Kẻ ở kẻ về, nhân tình chạnh cảm.  
Thuyền Phạm Lãi, Ngũ Hồ, buồm tách gió,  
vui nước trời một sắc đua xanh.  
Gươm Lão Quân, Lục Trí, cán vung mây,  
loài gian ác hai lòng khôn thứ.  
Ở đâu về đó, kẻ Bắc người Nam,  
Cứ lệnh theo đây, hình nghiêm phép trọng.  
Cấp cấp như luật lệnh!

---o0o---

*Phổ Khuyển Làm Chùa*

Ông nho Côi Trì

(Nhân làng làm chùa, nhờ ông viết bài văn này để quyên giáo Thập phương.)

Từng mảng nghe rằng:  
Ở lành thì lại gặp lành,  
Then báo ứng quỷ thần khép mở;  
Làm phúc ắt là được phúc,  
Khuôn tài bồi tạo hóa đúc tô.  
Việc từ bi xem cũng nhiệm màu;  
Đường phương tiện phải cùng san sẻ.  
Ngôn niệm:

Bản ấ... tên Long tự...  
Danh lam dấu cũ;  
Thắng địa nền xưa.  
Hang Bồng Lai Phương Trượng mở mang ra,  
tranh Ma Cật sẵn dán giăng vàng thảo thụ;  
Cảnh Thửu Lĩnh, Tào Khê thu nhật lại,  
Thơ Thiệu Lăng từng vờn vẽ khách yên hà.  
Mõ trúc phong lóc cóc dạo từng hồi,  
Giục giã đàn chim về lắng kệ;  
Khánh thạch giản lạnh canh khua mây tiếng,  
Rủ rê bầy cá đến nghe kinh.  
Vẫn là tay thiên thượng đặt bày,  
Muôn trượng đỉnh Phù Dung coi biếc biếc;  
Nếu chẳng có nhân công trau chuốt,  
Một trùng non Đâu Suất đứng xanh rì.  
Tuy trông vào đôi chữ tịch tà,  
Dạ quân tử phải ghi làm thiết thạch;  
Song nhạc thấy một đường khuyên thiện,  
Lòng nhân nhân sao nở để kinh chấn.  
Rấp rủ nhau nhất độ kinh doanh,  
Hò thu thủy lại thêm vàng phách thỏ;  
Ví không cây thập phương tư cấp,  
Cừ thiên kim nào phải chiếc dịch hồ.



Vậy nên:

Mượn chữ nam vô, khuyên lòng cố hữu.

Việc doanh tạo, kẻ giúp công, người giúp của,

Dù Đông Ngô, Tây Sở, nơi xa xôi còn gắng sức nữa đồng châu.

Lòng tín thành, nhiều làm phúc, ít làm duyên,

Đã Bắc Đẩu, Nam Tào sổ ghi ký khắp chua tên nào lậu bút.

Vẫn là đạo không không sắc sắc;

Phải miễn mình niệm niệm tâm tâm.

Chớ nói điều Phật bắt cầu ai,

Niềm hòa khí bỏ lạnh lòng trong tác đất;

Rồi thấy buổi thiên vô tư phú,

Bóng từ vân che mát mẽ cả phương trời.

Khương mấy nhà tích thiện có thừa,

Dòng bách thế dỗi tuôn như bích thủy;

Danh những kẻ lập công không nát,

Bia thiên thu còn đứng với thanh san.

---o0o---

***Phổ Khuyển Kết Hạ***

**Phổ Chiêu Thiên sư**

**(1777-1814)**

Từng mảng rằng:

Chữ hiếu ấy trước chung trăm nét,

Kìa Nho sử còn ghi;

Đạo hằng dù trên trả bốn ơn,

Nợ Phật kinh hãy tạc.

Làm nhân tử phải vẹn bề hiếu tử,

Há thiên tâm có phụ kẻ đạo tâm.

Đức Phật ta:

Mở giáo Nam châu, vâng truyền Tây thổ.

Nước tịnh rẩy cành dương thánh thót,

Rập tàn nhà lửa cháy bùng bùng;

Bè từ chèo biển giác lênh đênh,

Chở lặng sóng ơn tuôn cuộn cuộn.

Tai trí huệ nghe thấu lời thiện ác,

Mắt quang minh dòm suốt chốn u minh.

Kìa xem cơ nước chảy hoa tàn,

Hồn kim cổ bóng ngựa câu thấp thoáng.

Thì phải sợ sương đông chớp sáng,

Đám lợi danh hình lửa đá lập lòe.

Gương âm dương soi vạn cổ không lòe,

Cân họa phúc nhắc hai đồng chẳng méch.

Đức A Nan Mông Sơn thí thực,

Vậy thân sau khỏi chốn luân hồi.

Đức Mục Liên phá ngục độ thân,

Mà mạng được vẹn bề báo đáp.

Ấy kẻ trước mở lòng ra thế nhẽ,

Hướng người sau tìm đạo chẳng noi ru?  
Sãi tôi nay:  
Cẩn giữ lễ thường, tin cầm nghĩa cả.  
Đạo giải quá thấy lời kinh Thủy Sám,  
Nước cam lồ nhờ rảy sạch bụi trần;  
Chữ tu nhân nghe câu kệ Kim Cương,  
Gươm bảo huệ mượn dứt không niềm tục.  
Vậy phải hò làm việc phước,  
Dám xin mở tấm lòng hăng!  
Nay phở khuyến.

---o0o---

***Quan Âm Tổng Tử Văn***

Cụ Ba Voi

Nông nổi chân bè khách địa,  
Phận phù sanh về với kiếp thiêu hôi;  
Ngâm ngùi gốc tử cố hương;  
Lời vĩnh quyết theo cùng dòng mặc lệ!  
Khuất mặt gọi để sau làm dấu;  
Khẩu đầu vâng dẫn trước xin thưa:  
Thuở thác sanh vào chốn hoa tông,  
Phận xử nữ dám lừa gương hiếu kính;  
Khi tác hợp nhờ tay nguyệt lão,  
Bạn lương nhân bao trẽ dạ trinh thuần.

Nghĩ một bề trọn đạo nghi gia;  
Đề dôi đức đành lòng nguyện thất.  
Duyên kết tóc mới nên lời nguyện ước,  
Chi đào lá thắm trăm năm;  
Nỗi cắt râu ai rắp mối oan khiên,  
Cầu Thước sông Ô đôi bến.  
Cầm ngọc đã đành ngang khúc phượng,  
Lầu hồng thêm đề thẹn gương loan.  
Mai chia cảnh, chạnh nỗi phu thê,  
Chếch mác buồn duyên ngàn dặm nguyệt;  
Dâu ngã bóng, cảm tình phụ mẫu,  
Dở dang cửa đức một chồi hoa!  
Hải sanh xưa chưa trọn đường tu;  
Nên nợ cũ còn theo quả kiếp?  
Hương mật đảo luống trông vời Bắc Đẩu,  
Tiếng quyên dứt nỗi buổi tàn canh.  
Nước giải oan còn khơi suối Tây thiên,  
Giác bướm đi về nơi Lạc thổ.  
Đã ly biệt lỗi cùng nhất nhật;  
Phải tu hành độ lấy tam sanh.  
Ngẫm duyên xưa mình xót một mình,  
Cả lòng quyết thay xiêm đôi áo;  
Tới cảnh lạ bước dừng nửa bước,

Bạch thầy xin thấp nến, dăng nhang.  
Mặt vâng chữ Kính là tên;  
Tai lắng lời răn để dạ.  
Bèo bọt trôi về bể Thích,  
Biết thân này đã chắc Phật hay Tiên;  
Sông nâu ngã xuống màu thiên,  
Đành quả ấy phải nguyên non với nước.  
Miễn con trẻ vui về thú tịnh;  
Họa trời già xét đến niềm trai.  
Tường cảnh nhà khi trận hạn ghét sương,  
Hiếu, nghĩa đôi đường còn tử tỵ;  
Lắng tiếng kệ thở chày kinh nện nguyệt,  
Sắc, không hai chữ sẽ nguôi lần.  
Thiện căn hằng khuya sớm vun trồng;  
Phúc ấm họa mai sau trọn vẹn.  
Dưa muối chồn người ưa với cảnh,  
Dám để hơi trần chướng lọt vào;  
Trăng hoa khen nhà khéo sanh con,  
Bông đem mỗi phong tình buộc lại!  
Nghịch còn nặng, lòng từ khôn lẽ chối;  
Tình có ngay mắt tục dễ ai tin.  
Phép công hồ tiếng tiêu Tăng,  
Giọt nước cảnh dương bao rửa bụi;

Khoán cũ nặng lòng sư trưởng,  
Đóa mây đỉnh Thú cũng tuôn sầu!  
Rắp bạch sông cho rõ mặt nhân gian;  
Song tu trót kéo thẹn lòng Thượng giới.  
Dây chân dảm dày sân Tĩnh địa,  
Giữ chiền ra tựa mái Tam quan;  
Vốn lòng từ chẳng thẹn nén chân nhang,  
Niệm lạy về nơi Cửu tự.  
Bể khổ chìm bao được nổi;  
Nợ trần trả chữa hay xong.  
Nhai sương mớm tuyết chịu cho ai,  
Ngoài chín tháng đôi tay con nhện mọn.  
Dãi gió dù sương liều với kiếp,  
Trong ba thu một xác cái ve gầy.  
Xa xôi bao quản cửa Già Lam;  
Tươi héo khôn nài cơ tạo hóa.  
Cảnh vắng nào thầy, nào tiểu,  
Giọt nước đồng thánh thót thuở trăng khuya;  
Đèn tàn bên mõ, bên con,  
Mồ hôi đá đầm đìa cơn gió thoảng.  
Giác trần mộng nằm lâu cũng mới;  
Bạn kim sanh đến thế là thôi.  
Lỗi sanh nên phải bước bèo mây,

Đôi gánh cù lao chôn lại nặng;  
Vụng hóa chưa tròn duyên thông suốt,  
Một thơ thê oán gởi về không.  
Đã cam kiếp ấy chốn sông Ngân;  
Bao biết thân sau vào cửa phúc.  
Hồn hồ điệp từ đây muôn kiếp,  
Nước non diệu vợ biết con đâu;  
Nghĩa minh linh cũng gọi một ngày,  
Hương khói mai sau đành chán đấy.  
Tình dài vẫn thêm rầu khúc vượn;  
Đường xa xôi nên mượn cánh hồng.

---o0o---

#### **IV. ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔI TAM BẢO ĐỐI VỚI DÂN TA**

Đời sống của dân tộc Việt Nam ta mà được thâm trầm, thuần nhã, thanh đạm, tinh vi, một phần lớn là nhờ được sức cảm hóa của ngôi Tam Bảo vậy. Đạo lý từ bi của đức Phật truyền sang xứ ta kể ra đã trên dưới hai ngàn năm, một nền đạo lý trọng sự hỷ, xả, ái, mẫn; khuyến sự thương các chúng sanh như thương mình, một nền đạo lý dung hợp với tâm trí của mọi hạng người; chẳng luận già, trẻ, gái, trai, sang, hèn, tại gia hoặc xuất gia, con thuyền Bát-nhã đều độ thoát cho hết, ngọn đuốc quang minh đều soi sáng cho hết mà dẹp đi những mối chướng ngại si mê.

Ai có quan tâm mới thấy rõ cái ảnh hưởng thâm thúy, êm đềm ấy phát lộ ra trong cuộc sanh hoạt của dân ta, từ lời nói đến hành vi hằng ngày. Người viết bài này đã từng đi đó đi đây, đã từng giao tiếp với các hạng người trong khắp ba Kỳ, đã nhận thức cái ảnh hưởng ấy mà sanh ra một mối cảm mến thắm thiết, dịu dàng.

Nay muốn chỉ ra cái ảnh hưởng thâm trầm, thuần nhã của đạo Phật để cống hiến cho chư độc giả thiện tâm, tưởng nên nương theo những lời ăn tiếng nói của quốc gia ta, những câu ca dao bất vãn, cùng những áng văn thơ của các hàng thi nhân, văn sĩ, thì quý vị sẽ nhận ra một cách dễ dàng vậy. Tuy gần đây, dân tộc ta tiếp xúc với văn minh, tập tục và tôn giáo người Âu Tây mà cái ảnh hưởng ấy có bề phai lạt đi ít phần trong một thiểu số người ở thị thành, chứ cái tinh thần đạo Phật vẫn vững bền trong hầu hết chốn dân gian, vẫn trường tồn ở nơi thôn dã.

---000---

### ***A. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong lời ăn tiếng nói***

Một người dân bình thường ở nước ta trong cuộc sống hằng ngày đều rất trọng tội, phước; cho nên tự họ không muốn gây ra những tội ác bằng tay chân, bằng lời nói, bằng tâm ý, mà lại còn khuyên can mỗi khi thấy người khác sắp phạm sai lầm, và rất buồn mà thấy những ai làm đau khổ kẻ chung quanh. Cái lòng trắc ẩn ấy phổ cập đến hạng cầm thú và cả loài thảo mộc nữa.

Không nói đến người đã từng thọ giới nhà Phật thì giữ thân, lời nói, tâm ý đều dè dặt và thanh cao đã đành, mà một người tầm thường ăn buổi mai lo buổi chiều, không biết chữ mà xem kinh kệ, không mấy khi rồi rãnh mà đến lạy Phật, lạy thầy, người ấy cũng vẫn thâm nhiễm sự từ bi, hỷ xả tự lâu đời của dân tộc, cũng biết thương người như thương thân vậy.

Nhờ thâm nhuần những lý tội, phước, luân hồi, nghiệp báo từ khi còn nhỏ, người Việt Nam ta không dám ăn ở sai lạc đối với những lý công bằng, tinh vi ấy. Cái lòng hiền hậu đó thường phát lộ ra lời ăn tiếng nói. Chính họ chịu lấy ảnh hưởng thâm trầm của đạo Phật mà không hay biết. Họ thường dùng những danh từ trong văn chương, trong kinh điển đạo Phật, thế mà họ vẫn cho là những danh từ thông dụng xưa nay. Lắm lúc họ dùng có sai lạc, nhưng sự đó càng tỏ ra rằng ảnh hưởng ngôi Tam Bảo thâm nhuần vào tâm trí của họ tự lúc bé thơ!

Mỗi khi thấy ai ăn ở nhân đức, hay cứu giúp người trong cơn hoạn nạn, tật bệnh, người bình dân thường hay bảo rằng: “Tội nghiệp, ông ấy hiền từ hết sức!” Mỗi khi lâm cơn nguy biến mà cầu cứu ai thì họ nói: “Tội nghiệp, ông ra ơn giúp tôi



một lần. Ông làm sự ấy bằng cát năm bảy cảnh chùa.” Tỏ lòng biết ơn với ai thì họ thốt lên rằng: “Kiếp sau, nguyện làm thân trâu ngựa mà trả nghĩa sâu.”

Mong ai mở lòng quảng đại thì họ van rằng: “Xin mở lòng Bồ Tát, tỏ đức hiếu sanh, ra tay tế độ.”

Mỗi khi thấy ai ở ác, họ cũng dùng nhiều danh từ về đạo Phật mà họ cho là rất thâm thía, xác đáng. “Anh ấy làm chuyện ác đó bằng phá chùa phá miếu. Tội ấy dù tu mấy kiếp cũng chẳng đền bù. Chừng thác, đổ chạy đâu cho khỏi Địa ngục.” Thấy ai nói láo nói xược, họ trách rằng: “không sợ quỷ sứ cắt lưỡi.”

Thấy ai ăn nói ngang tàng, hay gây gỗ thì họ bảo: “hay sân si”. Thấy những con gái trác nét, họ than rằng: “Không sợ vào địa ngục.” Hoặc họ đọc lên câu tục ngữ này: “Có chồng mà lại lấy trai, thác xuống âm phủ, cưa hai nẫu dù.”

Thấy những kẻ nói năng êm dịu mà lòng độc dữ, họ bảo rằng: “Thật là khẩu Phật tâm xà.”

Thấy ai ăn ở hiền đức hưởng sự giàu sang, họ nói rằng: “Có phước, tu nhân tích đức.” Thấy ai tướng tốt, uy nghi, thuận hậu, họ khen rằng: “tiên giáng thế”.

Về đường tình ái, họ cũng dùng lắm danh từ trong văn chương nhà Phật: “Có duyên ngàn dặm cũng gần, vô duyên dù gặp mấy lần cũng xa.” “Nhân duyên tiền định, duyên nợ ba sanh...”

Thấy ai có tài mà sa sút, lâm cơn hoạn nạn, thì họ thương mà than rằng: “Tài mạng tương đố, bạc mạng, nghiệp chướng”. Hoặc họ an ủi rằng: “Tại phần số, gặp bước phong trần, song cũng có ngày vinh hiển, thôi đừng phiền não, phiền muộn.”

Trong sự buồn về gia thế, về nổi phu thê, tình phụ tử, người bình dân ta hay than trách rằng: “Tội báo oan gia, tiền căn hậu báo, rõ ràng là cảnh Địa ngục.”

Than phiền những cảnh đời đời, những sự thành bại quá mau, họ gọi rằng: “Con dâu bẽ, tuồng ảo hóa, bẽ khổ bên mê, bẽ trần, bẽ trầm luân.”

Sống trong cuộc đời bình dị, họ cho là: “muôi dưa đắp đời tháng ngày.”

Có ăn năn sự lỗi, họ đổ cho là: “Ma dặt lối, quỷ đưa đường.”

Buồn rầu mãi không khuây, họ than rằng: “lửa phiền càng dập càng khôu mỗi phiền.”

Thấy những đám đông đảo, họ bảo: “đông như La-hán, hằng hà sa số...”

Muốn biện minh lòng ngay thật của mình cho khỏi người ta nghi oan, họ kêu lên: “Chín phương trời, mười phương Phật...”

Thấy ai ngồi im lìm chẳng cử động, họ bảo là “ngồi từ bi”.

Uống nước gì ngon mà họ khoái chí, thì họ cho là: “nước cam lồ”.

Ai cầu nguyện sự chi rất khó, thì họ khuyên nên “ăn chay, nằm đất”. Có khi họ dùng tiếng ấy một cách mỉa mai đối với hàng phong lưu trong con rũi bước, lạc đường.

Cũng có lúc họ nói cợt mà chỉ ra sắc đẹp lộng lẫy của hàng phụ nữ: “Dù cho Phật Bồ Tát cũng phải sa!”

Tóm lại, dù vui, dù buồn, dù sướng, dù khổ; ở trong cảnh thường, hay cảnh biến, dù ăn nói nghiêm trang hay giễu cợt, dù khen tặng hay than van, người bình dân ta thường dùng một cách vô tâm những danh từ nhà Phật mà họ từng quen thuộc từ lúc lên ba!

Cái ảnh hưởng thuần lương, thâm thúy ấy lại càng tỏ ra trong những khi họ hùng chí, xúc cảm đối với nước non, đối với ái tình, thương cha nhớ mẹ mà ngâm bắt vần thành những bài ca dao chất phác, ngộ nghĩnh, êm đềm.

---o0o---

### ***B. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong những câu ca dao***

Đạo lý từ bi của Phật rất dễ cảm hóa tấm lòng thanh bạch của nam nữ thanh niên. Mỗi khi rồi rãnh việc đồng áng hay việc dệt vải quay tơ, hoặc nhằm những ngày lễ Phật, Tết Nguyên Đán, rằm tháng giêng, mùng tám tháng tư, rằm tháng bảy, cùng là nhằm những ngày vía Phật, những ngày rằm, mùng một, thì hàng thiếu niên hoặc theo cha mẹ, hoặc rủ nhau đi chùa. Bấy giờ nơi am thanh cảnh tịnh, ngoài thì hoa đẹp, cỏ thơm, không khí mát mẻ, khỏe khoắn, nhẹ nhàng, trong thì mấy tượng Phật đầy vẻ từ hòa dường như đang tìm những sự tùy phương mà tế độ chúng sanh, cùng với khói trầm nghi ngút khiến cho lòng trần thấy dứt mà lòng đạo

phấn chấn lên. Rồi đến khi viếng thầy, một vị hòa thượng cao niên, ăn nói hiền hòa, nhu mì, tùy thuận căn cơ mà khuyến khích hoặc an ủi mình, thì người thanh niên ta rất lấy làm cảm mến, dường như trút sạch gánh ưu sầu, phiền muộn. Lại có khi được nghe vị pháp sư giảng câu kinh, nghĩa kệ; từ trên ngói cao, những lời khuyên làm lành, lánh dữ, tu phước, trồng duyên, rót vào tai mình một cách cao thượng, thanh tao, người thanh niên cùng người bình dân nam nữ ta lắm khi ứa lệ vì quá cảm cái sự hiền lành.

Sau khi ấy, trở về nhà, hoặc nằm trên võng mà ru em, hoặc trong khi giã gạo đôi ba bạn muốn hò ăn nhịp cho quên sự lâu dài, hoặc đương khi thả thuyền theo rạch nhằm lúc trăng trong mà động đến nguồn thơ, bấy giờ họ mới ca hát bắt vần cho vui. Những câu ca dao ấy phần nhiều là về hiếu, về tình, về tình hiếu xen lẫn, có khi cũng bàn qua vài việc thế sự luận đàm. Trong khi cảm hứng ấy, họ không quên ngói cổ tự, họ vẫn nhớ về mặt từ hòa của đức Phật, đức Bồ Tát, họ vẫn mến cái đức thuần hậu của vị hòa thượng hoặc vị pháp sư, và họ còn canh cánh bên lòng những lý thiện phước từ trong kinh kệ đưa ra.

Cho nên trong nhiều câu ca dao có thâm nhuần tinh thần của ngói Tam Bảo.

Như về hiếu thì:

Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,

Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Đã đành thọ phép Di Đà,

Hiếu trung giữ trọn, gian tà mặc ai

Vô chùa thấy Phật muốn tu,

Về nhà thấy mẹ, công phu không đành.

Tu đâu cho bằng tu nhà,

Thờ cha kính mẹ, hơn là đi tu.

Như về tình thì:

Ngó lên am tự chùa vàng,

Tu thì đặng đó, bỏ nàng ai nuôi?  
Anh đi lưu thú Bắc Thành,  
Bỏ em khô héo như nhánh từ bi.  
Chữ rằng phú quý tại thiên,  
Vì ai nên nỗi bạn hiền gian nan.  
Người đời ai khỏi gian nan,  
Gian nan có thuở, thanh nhàn có khi.  
Phải chi lên đặng Ngọc Hoàng,  
Lén coi sổ bộ duyên nàng về ai.  
Bé thơ chi đó dễ dành,  
Chẳng qua duyên nợ, bậu đành hay không?  
Tượng linh dù rách cũng thờ,  
Lỡ duyên anh chịu, mong chờ tin em.  
Sông dài cá lội biệt tăm,  
Phải duyên phu phụ, ngàn năm cũng chờ.  
Trên trời vắn vũ,  
Dưới âm phủ đá dựng tư bề.  
Làm sao cho trọn chữ phu thê,  
Đây chồng đó vợ, ra về có đôi.  
  
Sóng bên doi bỏ vôi bên vịnh,  
Anh với nàng trời định đã lâu.  
Cơ trời dẫu bề đa đoan,

Tơ duyên vẫn vói, thiếp chàng xa nhau.  
Thân em buôn bán tảo tần,  
Lòng anh sao nỡ ty trần xuất gia.  
Đặt bàn thệ nguyện giữa trời,  
Sao hôm có lặn, còn lời sao mai.  
Phải chi cao đất thấp trời,  
Hỏi thăm duyên nợ đời đời thế nao.  
Chim bay về núi Điện Bà,  
Phân chồng rẽ vợ, ai mà chẳng thương.  
Nghĩ nào mà lại tuôn rơi,  
Thấp nhang mà lạy Phật trời định phân.  
Về tình, hiếu xen lẫn thì:  
Lưu ly nửa nước nửa dù,  
Nửa thương cha mẹ, nửa sâu căn duyên.  
Mình hòa, phụ mẫu không hòa,  
Căn duyên để vậy, hay là dứt đi?  
Về thế sự luận đàm hoặc về các mối cảm đối với nhà Phật thì:  
Chuông già đồng điệu chuông kêu,  
Gái khôn trai dở lâu ngày cũng xiêu.  
Tưởng là chùa rách Phật vàng,  
Hay đâu chùa rách chứa đàng quỷ ma.  
Tội người, vô số Di Đà,  
Còn mang chuỗi hột, áo già làm chi.

Con vua thì được làm vua,  
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.  
Muốn đi tu, công phu chưa có,  
Muốn ở chùa, chuông mõ cũng không.  
Đã đành cắt tóc đi tu,  
Một ngày cửa Phật, mười thu cỗi trần.  
Tai nghe chuông mõ vang vầy,  
Ghé vô am tự nghe thầy giảng kinh.

---o0o---

### ***C. Ảnh hưởng của ngôi Tam Bảo trong những áng văn thơ***

Chẳng riêng gì hạng bình dân, chẳng riêng gì trang niên thiếu, mà ngay trong hàng thượng lưu trí thức, trong bậc trung niên và lão thành cũng chịu ảnh hưởng tinh vi của đạo Phật nữa. Bậc sĩ phu của ta đã từng cảm mến giáo lý từ bi của đạo thiên, và các hàng tao nhân mặc khách, các tay thi bá, văn nhân đều thừa hưởng tinh thần nhà Phật. Cho nên trong các áng văn thơ, trong tuồng, truyện từ xưa đến nay, ta thường thấy có lắm danh từ của nền văn chương Phật học.

Lại có nhiều chương, nhiều đoạn nương sức tiếp trợ của một nhà chùa, mượn sự cứu hộ của một nhà sư, nhờ sức tế độ của một đức Phật, của một đức Bồ Tát mà thành ra thâm thúy và nghiêm trang. Kìa như một tay anh hùng vì háo nghĩa, giết phường ỷ thế hiếp cô, tự bó tay để cho người ta làm tội, rồi vượt ngục, vào tá túc nơi nhà chùa xem kinh đọc kệ:

Vừa may mà gặp chùa này,  
Mai danh ản tích bấy chầy nấu nương.

Lại như một trang thư sinh lỗi lạc, nhưng gặp lúc cùng đồ, thân mang bệnh ngặt, thế mà được các sư nuôi nấng cho trong mấy năm trường:

Ai đi, chùa bản bạc đã không bốn vách,

Còn cậu tôi bệnh trầm kha lại giáp ba năm...

Thưa thưa, lòng kính thành bái tạ cao tăng,

Dặm diêu viễn trông chừng làng hạnh...

Diêu viễn, trông chừng làng hạnh,

Cúi đầu từ, đài kính cửa Không...

Lại nữa, như một trang thực nữ, muốn giữ tròn chữ trung, chữ hiếu, chữ tiết, chữ trinh, bèn gieo mình xuống ngọn thủy triều, thì:

Nguyệt Nga nhảy xuống giữa vời,

Sóng thần đưa đẩy vào trong bãi rày...

Xiết bao sương tuyết đêm đông,

Mình nằm giữa bãi lạnh lùng ai hay.

Quan Âm thương đứng thảo ngay,

Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa...

Đó là những chương, những đoạn trong thơ văn, truyện tích, nhờ sức từ bi của Tam Bảo, tô điểm cho thêm phần trân trọng. Lại còn biết bao thơ, tuồng, truyện, lấy lý nhân duyên, nghiệp quả, lấy tiền căn hậu báo, lý hết cơn bi cực đến hồi thối lai của nhà Phật mà làm đề; thâm ý của thi nhân, văn sĩ là muốn nêu gương lánh dữ làm lành cho nhân dân. Ấy nhờ cảm cái tinh thần đạo Phật mà các vị ấy cộng tác vào cuộc chấn hưng nền thuần phong mỹ tục trong nước đó.

Ngoài sự nương vào ngôi Tam Bảo mà lấy tích và làm đề cho những áng văn chương, các bậc thi nhân, văn sĩ ta lại còn nhờ ảnh hưởng của Phật, Pháp, Tăng trong sự hành văn của mình nữa. Trong mỗi áng văn, thơ, ta đều thấy rất nhiều danh từ văn chương nhà Phật.

Về việc này, ta có thể phân các thi nhân, văn sĩ của ta ra hai nhóm. Một nhóm những người chưa từng đọc qua kinh sách nhà Phật, và một nhóm vốn đã lâu thông đạo lý diệu huyền. Nhóm thứ nhất nhờ cảm mến giáo lý từ bi do các sách ngoài hoặc do xã hội Việt Nam mình đã từng chịu ảnh hưởng lâu đời của Tam Bảo mà

hay dùng những danh từ nhà Phật trong lúc hành văn. Còn nhóm thứ hai thì nhờ có hâm mộ triết học nhà Phật, thường viếng chùa, xem kinh, cho nên trong sự hành văn thường dùng danh từ nhà Phật mà văn chương có bề lưu loát, thâm trầm và siêu việt hơn.

Như Nguyễn Đình Chiểu (Đồ Chiểu), Bùi Hữu Nghĩa (Thủ khoa Nghĩa) không mấy khi xem kinh Phật; còn Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm và tác giả vô danh của quyển Quan Âm Thị Kính thì rất hâm mộ văn chương Phật học, rất tinh thông về Phật lý. Tuy vậy, bên nào cũng có được ảnh hưởng nhà Phật trong thi văn của mình.

Dưới đây, muốn làm rõ những ảnh hưởng ấy, tôi xin trích ra những đoạn văn trong các quyển: Lục Vân Tiên, Kim Thạch Kỳ Duyên, Kim Vân Kiều, Cung Oán Ngâm Khúc và Quan Âm Thị Kính.

Trong Lục Vân Tiên ta thấy:

Có người ở quận Đông Thành,

Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền.

Trực rằng: chùa rách Phật vàng,

Ai hay trong quán ẩn tàng kinh luân.

Những lăm công toại danh thành,

Nào hay từ mẫu u minh sớm đời.

Dù cho chước quý mưu thần,

Phong trần ai cũng phong trần như ai.

Có thân phải khổ với thân,

Thân ôi thân biết mấy lần chẳng may.

Thỉnh ông Phật Tổ A Di,

Thập phương chư Phật phù trì giúp công.



Dù cho tài trí bậc nào,  
Gặp cơn nguy biến biết sao mà nhờ.  
Oan gia nợ đã khéo gây,  
Ôi thôi thân thể còn gì mà toan.  
Nên, hư có số ở trời,  
Bôn chôn sao khỏi, đổi dời sao xong.  
Người đời như bóng phù du,  
Sớm còn, tối mất, công phu lỗ làng.  
Dương gian nay chẳng đặng gần,  
Âm cung biết có thành thân chẳng là.  
Con xin sang lạy Lục Ông,  
Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân Tiên.  
Hiu hiu gió thổi ngọn cây,  
Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha.  
Người ngay, Trời Phật cũng vung,  
Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.  
Khi khuya nằm thấy Phật Bà,  
Người đà mách bảo nên già tới đây.  
Đoạn này đến thứ ra đời,  
Vân Tiên thưở ấy ở nơi chùa chiến.  
Nửa đêm nằm thấy ông Tiên,  
Đem cho chén thuốc, mắt liền sáng ra.  
Suối vàng hồn mẹ có linh,

Chúng cho con thảo, lòng thành ngày nay.  
Xưa nay những đứa vô nghi,  
Dù cho có sống làm gì nên thân.  
Trịnh Hâm bị cá nuốt rày,  
Thiệt trời báo ứng lẽ này rất ung.  
Thấy vậy nên dừng dừng dung,  
Làm người ai nấy thì đừng bất nhân.  
Oan gia nợ ấy trả xong,  
Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời.  
Trời kia quả báo mấy hồi,  
Tiếc công son điểm phấn đời bấy lâu.  
Trong Kim Thạch Kỳ Duyên ta thấy:  
Nghiêng vai, ngựa vái Phật Trời,  
Đương cơn hoạn nạn, độ người trầm luân.  
Gần đây nợ sẵn am vân,  
Vào đó họa nhờ thang thuốc.  
Ứng ai chư phương Phật, ơn chín Trời mười Phật,  
Cứu nạn sĩ siêu sanh.

Tôi nói thật, sau nhân dù gặp vận thối hanh,  
lòng khẩn nguyện sùng tu Phạm võ.  
Oan kết theo hồn Tinh Vệ,  
Lụy rơi hóa huyết Đỗ Quyên.

Mênh mông sóng thảm bủa đầu thuyền,  
Lai láng gió sầu xao mặt nước.  
Phú quý tợ môn tiên tuyết,  
Còn ân tình như thảo thượng sương.  
Chữ dinh hư hữu số,  
Tình chung thỉ bất vong  
Công danh như bào huyễn.  
Phú quý tợ phù vân.  
Hoa viên kíp tới, mặt ngọc tỏ trình,  
Cơn rứa chừ, đong đưa một chiếc thuyền tình.  
Dù Kim Ngọc là Phật, Bồ Tát đi nữa,  
Là cũng phải:  
Chìm đắm mấy con sóng sắc, chớ.  
Tôi có nghe trên chùa Thiên Trúc làm chay,  
Chừ, thất theo ruột tằm quá đỏi.  
Lần hồi chân gượng phải đi,  
Họa là nhờ cửa từ bi,  
Ngõ đặng qua cơn khổ não.  
Vẳng nghe mõ cá chuông kinh,  
Gượng lần bước tới ngõ đành hóa duyên.  
Tham những giàu sang trước mắt,  
Ai dè cực khổ sau lưng.  
Mình làm ra sự tệ,

Trời thật có mắt coi.  
Trong Truyện Kiều ta thấy:  
Trăm năm trong cõi người ta,  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.  
Trải qua một cuộc bể dâu,  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.  
Âu đành quả kiếp nhân duyên,  
Cũng người một hội một thuyền dâu xa.  
Ví chăng duyên nợ ba sanh,  
Làm chi những thói khuynh thành trêu người.  
Tái sanh chưa dứt hương thê,  
Làm thân trâu ngựa đên nghè trúc mai.  
Nợ tình chưa trả cho ai,  
Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan.  
Trông ra ngọn cỏ lá cây,  
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.  
Nào hay chưa hết trần duyên,  
Trong mê đường đã đứng bên một nàng.  
Rỉ rằng: Nhân quả dở dang,  
Đã toan trốn nợ đoạn tràng được sao?  
Số còn nặng nghiệp má đào,  
Người dù muốn quyết, trời nào đã cho  
Đánh liều nhấn một hai lời,

Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân.  
Kiếp xưa đã vụng đường tu,  
Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi.  
Vẻ chi chút phận bèo mây,  
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.  
Trăm điều ngang ngựa vì tôi,  
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho.  
Người này nặng kiếp oan gia,  
Còn nhiều nợ lắm, sao đà thác cho?  
Khi chè chén, khi thuốc thang,  
Dem lời phương tiện, mở đường hiếu sinh.  
Đã đành túc trái tiền oan,  
Cũng liều ngọc nát, hoa tàn mà chi!  
Lãnh lời nàng mới theo sang,  
Biết đâu địa ngục, thiên đường là đâu.  
Tìm đâu cho thấy cố nhân,  
Lấy câu vận mạng, khuấy dần nhớ thương.  
Bể trần, chìm nổi thuyền duyên,  
Hữu tài, thương nổi vô duyên lạ đời.  
Sinh rằng: Thật có như lời,  
Hồng nhan bạc mệnh, một người nào vay.  
Nghìn xưa âu cũng thế này,  
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa.

Phật tiền, thăm lấp sầu vùi,  
Ngày pho thủ tự, đêm nhồi tâm hương.  
Cho hay giọt nước cành dương,  
Lửa lòng, tưới tắt mọi đường trần duyên.  
Sớm khuya lá bối phướn mây,  
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.  
Đầu xanh đã tội tình gì,  
Má hồng đến quá nửa thì, chưa thôi.  
Người sao hiếu, nghĩa đủ đường,  
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi?  
Sur rằng: Phúc họa đạo trời,  
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.  
Có trời mà cũng tại ta,  
Tu là cõi phúc, tình là dây oan.  
Sur rằng: Song chẳng hề chi,  
Nghiệp, duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều.  
Khi nên trời cũng chiều người,  
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.  
  
Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau,  
Tiền Đường thả một bè lau rước người.  
Trước sau cho vẹn một lời,  
Duyên ta mà cũng phúc trời dư không.

Tấm thành đã thấu đến Trời,  
Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.  
Còn nhiều hưởng thọ về sau,  
Duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào.  
Một nhà chung chạ sớm trưa,  
Gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng.  
Đã đem mình bỏ am mây,  
Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.  
Mùi thiền đã bén muối dưa,  
Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng.  
Sự đời đã tắt lửa lòng,  
Còn chen vào chôn bụi hồng làm chi.  
Dở dang, nào có hay gì,  
Đã tu, tu trót, qua thì, thì thôi.  
Gẫm hay muôn sự tại trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân.  
Bắt phong trần, phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.  
Có đâu thiên vị người nào,  
Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai.  
Có tài mà cậy chi tài,  
Chữ tài liền với chữ tai một vần.  
Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần, trời xa.  
Thiện căn ở tại lòng ta,  
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.  
Trong Cung oán ngâm khúc ta thấy:  
Vắt tay nằm nghĩ cơ trần,  
Nước dương muốn rẫy nguội lằn lửa duyên.  
Kìa thế cuộc như in giấc mộng,  
Máy huyền vi mở đóng khôn lường.  
Vẻ chi ăn uống sự thường,  
Cũng còn tiền định, khá thương lọ là.  
Gót danh lợi bùn pha sắc sậm,  
Mặt phong trần nắng r ám mùi dâu.  
Nghĩ thân phù thế mà đau,  
Bọt trong bể khô, bèo đầu bến mê.  
Mùi tục lụy, lưỡi tê tân khô,  
Đường thế đồ, gót rỏ khi khu.  
Sóng còn cửa bể nhấp nhô,  
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh.  
Cánh buồm bẻ hoạn mệnh mang,  
Cái phong ba khéo cợt phùng lợi danh.  
Trăm năm còn có gì đâu,  
Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì.  
Ngày mượn thú tiêu diêu cửa Phật,



Mối thất tình quyết dứt cho xong.  
Đa mang chi nữa đèo bông,  
Vui gì thế sự mà mong nhân tình.  
Lấy gió mát trăng thanh kết nghĩa,  
Mượn hoa đàm, đuốc huệ làm duyên.  
Hẳn túc trái làm sao đây tá?  
Hay tiền nhân hậu quả xưa kia?  
Hay thiên cung có điều gì,  
Xuống trần mà trả nợ đi cho rồi.  
Miếng cao lương phong lưu nhưng lạm,  
Mùi hoắc lê thanh đạm mà ngon.  
Trong Quan Âm thị Kính ta thấy:  
Nhân sanh thành Phật dễ đâu,  
Tu hành, cứu khổ rồi sau mới thành.  
Ai hay bền dạ làm lành,  
Chứng minh trong chốn minh minh cũng tường.  
Có phen thề thốt dưới trăng,  
Một rằng thế thế, hai rằng sinh sinh.  
Vì đâu phút hợp, phút ly,  
Kiếp này đã lỡ, chắc gì kiếp sau?  
Có khi dốc chí tu hành,  
Lánh mình trần tục, nương mình thiên môn.  
Độ trì nhờ đức Thế Tôn,

Lỡ làng thuở trước, vuông tròn mai sau.  
Cửa thiền sẽ lén chân coi,  
Trông lên sự cụ vừa ngôi tụng kinh;  
Mưa hoa rảy khắp bên mình,  
Nhấp nhô đá cũng xếp quanh gập đầu  
Chán vùng danh lợi, phiền hoa,  
Chấp tay xin đến thiền già quy y.  
Đoái trông thế sự nực cười,  
Nhu đem trò rối mà chơi khác gì.  
Phù vân một đóa bay đi,  
Khi thì áo trắng, lúc thì chó đen.  
Chật đường hồ thi như nen,  
Cân đai cố phục người quen với mình.  
Chẳng thềm ra áng công danh,  
Mà đem thân thế làm hình dịch chi.  
Cho nên mền cảnh từ bi,  
Dám xin nhờ đức tăng ni mở lòng.  
Kìa bào, kìa ảnh phút qua,  
Kìa sương, kìa chớp, kìa là chiêm bao.  
Lựa là tranh trí thấp cao,  
Kẻ xem khoái chí, người gào thất thanh.  
Lấy ai làm nhục làm vinh,  
Trăm năm là áng ngàn xanh rì rì.

Vâng lời, lãng cảnh ngọc phương,  
Khêu đèn Bát-nhã, đóng chuông Tam thiên.  
Này gươm trí huệ mài đây,  
Bao nhiêu phiền não cắt ngay cho rời.  
Lấy chi làm chuyện giải phiền?  
Quyển kinh trăm lá, ngọn đèn một hoa.  
Chữ rằng: nhẫn nhục nhiệm hòa,  
Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu,  
Nhưng, thời trong dạ hiếu sanh,  
Phước thì làm phước, dơ đành tiếng dơ.  
Dầu xây chín đọt phù đồ,  
Sao bằng làm phước cứu cho một người.  
Miền Bát-nhã tìm vào mây khói,  
Nương bè từ vượt khỏi sông mê.  
Đuốc quang minh đốt cháy thành sầu,  
Biển khổ hạnh cháy lên Đại giác.

Từ những lời ăn tiếng nói, những câu ca dao, những danh từ trong các văn thơ, tuồng, truyện... ta thấy rằng người Việt Nam ta thấm nhuần tinh thần nhà Phật một cách đậm thắm, sâu xa. Từ trên tới dưới, từ già chí trẻ, từ nam tới nữ, dù có xem kinh điển nhà Phật hay không, dù có thường viếng chùa lễ Phật hay không, ai nấy đều thấm nhuần tinh thần từ bi hỷ xả của Phật, cũng như các đạo lý nhân quả, luân hồi trong các kinh Phật. Nhờ vậy mà sự sống của dân tộc ta được êm ái, hiền hòa và thuần túy.

Vậy thì từ đây, mong rằng những vị chưa từng xem qua kinh điển nhà Phật nên để ra chút ít thời gian mà tìm hiểu về Phật lý, điều ấy rất dễ giúp cho mình dung hòa

cõi đời với cõi đạo, rất dễ làm cho mình an ổn thân tâm, và có công hiệu nhất trong việc khuyên lơn, an ủi để mình vững chí mà tiến bước lên trong những công việc ích mình lợi người.

Và cũng mong rằng những vị đã xem qua kinh sách nên xem cho nhiều hơn, và tùy sức mình mà thi hành theo giáo lý của đức Phật, để cho hạt giống Bồ-đề càng ngày càng mở mang ra vậy.

Nam Mô A Di Đà Phật

Saigon 1-10-1946

Đoàn Trung Còn

---o0o---

Hết